Phẩm 9 (Kinh số 97 - 106)

Kinh Trung A-Hàm (Viện CĐPH Hải Đức - VNC PHVN, 2022)

97- KINH ĐẠI NHÂN Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, ở đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm-câu-lâu. Bấy giờ, Tôn giả A-nan một mình tĩnh tọa tại một nơi vắng vẻ, tâm nghĩ như vầy: uKỳ diệu thay, pháp duyên khởi này thật là vô cùng sâu sắc, và sự minh tri vê duyên khởi cũng vô cùng sâu sác! Nhimg ta quán sát thây rát nông cạn, rát nông c@n!" Rồi vào lúc xế trưa, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, qua đến chỗ Phật, đảnh lễ chân Ngài, rồi đứng sang một bên và bạch: Bạch Thế Tôn, hôm nay con một mình tĩnh tọa tại một nơi thanh vắng, tâm nghĩ như vây: uKỳ diệu thay, pháp duyên khởi này thật là vô cùng sâu sác, và sự minh tri về duyên khởi cũng vô cùng sâu sắc! Nhưng ta quán sát thấy rất nông cạn, rất nông c@n!" Đức Thế Tôn bảo: -Này A-nan5 thầy chớ nghĩ rằng: 'Tháp duyên khởi này rất nông cạn, rất nông cạn!" Vì sao? Vì pháp duyên khởi này vô cùng sâu sắc và sự minh tri về duyên khởi cũng vô cùng sâu sac. Này A-nan, đôi với pháp duyên khởi này, vì không biết như thật, thấy như thật, không giác, không thấu triệt nên khiến chúng sanh dính móc nhau, rối loạn như khung cửi, như cỏ uẩn-man, vội vàng, huyên náo đi từ đời này đen đời kia, từ đời kia đen đời này, qua lại, lại qua, không thể ra khỏi vòng sanh tử. Này A-nan, cho nên phải biết pháp duyên khởi này thật vô cùng sâu sac và sự minh tri vê duyên khởi cũng vô cung sâu sac. Này A-nan, nếu có người hỏi: "Già và chết có do duyên khong?^ Nên đáp như vầy: "Già chết có do duyên.,, Nếu có người hỏi: "Già chết do duyên gi?" Nên đáp như vầy: "Duyên nơi sanh vay." Này A-nan, nếu có người hỏi: "Sanh có do duyên kh6ng?" Nên đáp: “Sanh cũng có duyên.,^ Nếu có người hỏi: "Sanh do duyên gi?" Nên đáp: "Do duyên nơi hữu vay." Này A-nan, nếu có người hỏi: "Hữu có do duyên kh6ng?" Nên đáp: “Hữu cũng do duyên.Nếu có người hỏi: “Hữu do duyên gi?" Nên đáp: "Do duyên nơi thù vay.” Này A-nan, nếu có người hỏi: "Thít có do duyên kh6ng?" Nên đáp: "Thủ cũng do duyên.99 Nếu có người hỏi: "Thủ do duyên gi?" Nên đáp: “Do duyên nơi ái vay."

Này A-nan, đó là duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già chết, duyên già chết có buồn lo, khóc lóc, buồn kho, ảo não đều duyên nơi già mà c6, như thế là trọn đủ toàn khối khổ đau to lớn. Này A-nan, duyên sanh có già chết, ở đây nói duyên sanh có già chết thì nên biết rằng đó gọi là duyên sanh có già chết. Này A-nan, nếu không có sự sanh như cá và loài cá, chim và loài chim, muỗi và loài muỗi, rồng và loài rồng, thần và loài thần, quỷ và loài quỷ, trời và loài trời, nẹười và loài người; thì này A-nan, các loài chúng sanh ấy tùy theo những chỗ ây; nếu không có sự sanh, mỗi loài, mỗi loài đều không sanh, giả sử tách rời sự sanh, có già chết chăng? Bạch Thế Tôn, không! Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của già chết, tập của già chết, bản nguyên của già chết, duyên của già chết chính là sanh. Vì sao? Vì duyên sanh nên có già chết. Này A-nan, duyên hữu có sanh. ở đây nói duyên hữu có sanh thì nên biết răng đó gọi là duyên hữu có sanh. Này A-nan, nêu không có sự hữu như cá và loài cả, chim và loài chim, muỗi và loài muỗi, rồng và loài rồng, thần và loài thần, quỷ và loài quỷ, trời và loài trời, người và loài người; thì này A-nan, các loai chúng sanh áy

tuy theo những cho áy ma không co, moi loai, môi loai đêu không có hữu, giả sử tách rời sự hữu, có sanh chăng? - Bạch Thế Tôn, không! .v • - -Cho nên, này A-nan, nên biêt răng nhân của sanh, tập khởi của sanh, bản nguyên của sanh, duyên của sanh chính là hữu. Vì sao? Vì duyên hữu nên có sanh. Này A-nan, duyên thủ có hữu. ở đây nói duyên thủ có hữu thì nên biết rằng đó gọi là duyên thủ có hữu. Này A-nan, nếu không có thủ, mỗi loài, mỗi loài đều không có thủ, giả sử tách rời thủ thì sẽ có hữu chăng, thi thiết có hữu chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Cho nên, này A-nan, nên biêt răng nhân của hữu, tập khởi của hữu, bản nguyên của hữu, duyên của hữu chính là thủ. Vì sao? Vì duyên thủ nên có hữu. Này A-nan, duyên ái có thủ. ở đây nói duyên ái có thủ thì nên biết rằng đó gọi là duyên ái có thủ. Này A-nan? nếu không có ái, mỗi loài, mỗi loài đều không có ái, giả sử tách rời ải, sẽ có thủ, thi thiết có thủ chăng? Bạch Thế Tôn, không! Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của thủ, tập khởi của thủ, bản nguyên của thủ, duyên của thủ chính là ái. Vì sao? Vì duyên ái nên có thủ. Này A-nan, đó là duyên ái có tìm câu, duyên tìm câu có lợi, duyên lợi có phần, duyên phần có nhiễm dục, duyên nhiễm dục có đắm trước, duyên đắm trước có bon xẻn, duyên bon xẻn có keo kiệt, duyên keo kiệt có thủ hộ. Này A-nan, duyên thủ hộ có đao gậy, đấu tranh, dua nịnh, lừa gạt, nói láo, hai lưỡi,

khởi lên vô lượng pháp ác, bất thiện. Như vậy là trọn đủ toàn khối khổ đau to lớn. Này A-nan, nêu không có thủ hộ, tất cả đều không có thủ hộ, giả sử tách rời thủ hộ thì sẽ có đao gậy, đấu tranh, dua nịnh, lừa gạt, nói láo, nói hai lưỡi, khởi lên vô lượng pháp ác, bất thiện chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Cho nên, này Anan, nên biết rằng đao gậy, đấu tranh, dua nịnh, lừa gạt, nói láo, nói hai lưỡi, khởi lên vô lượng pháp ác, bất thiện thì nhân của chúng, tập khởi của chúng, bản nguyên của chúng và duyên của chúng chính là thủ hộ. Vì sao? Vì duyên thủ hộ nên có đao gậy, đấu tranh, dua nịnh, lừa gạt, nói láo, nói hai lưỡi, khởi lên vô lượng pháp ác, bất thiện. Như vậy là trọn đủ toàn khối khổ đau to lớn. Này A-nan, duyên keo kiệt có thủ hộ. ở đây nói duyên keo kiệt có thủ hộ thì nên biêt răng đó gọi là duyên keo kiệt có thủ hộ. Này A-nan, nêu không có keo kiệt, tất cả đều không có keo kiệt, giả sử tách rời keo kiệt thì có thủ hộ chăng? -Bạch Thế Tôn, không! Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của thủ hộ, tập khởi của thủ hộ, bản nguyên của thủ hộ, duyên của thủ hộ chính là keo kiệt. Vì sao? Vì duyên keo kiệt nên có thủ hộ. Này A-nan, duyên bon xẻn có keo kiệt, ở đây nói duyên bon xẻn có keo kiệt thì nên biêt răng đó gọi là duyên bon xẻn có keo kiệt. Này A-nan, nêu không có bon xẻn, tất cả đều không có bon xẻn, giả sử tách rời bon xẻn thì có keo kiệt chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của keo kiệt, tập khởi của keo kiệt, bản nguyên của keo kiệt, duyên của keo kiệt chính là bon xẻn. Vì sao? Vì duyên bon xẻn nên có keo kiệt. Này A-nan, duyên đam trước có bon xẻn. ở đây nói duyên đam trước có bon xẻn thì nên biết rằng đó gọi là duyên đam trước có bon xẻn. NàyA-nan? nếu không có đam trước, tất cả đều không có đam trước, giả sử tách rời đam trước thì có bon xẻn chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của bon xẻn, tập khởi của bon xẻn, bản nguyên của bon xẻn, duyên của bon xẻn chính là đam trước. Vì sao? Vì duyên đam trước nên có bon xẻn. Này A-nan,

duyên dục có đam trước, ở đây nói duyên dục có đam trước thì nên biêt răng đó gọi là duyên dục có đam trước. Này A-nan, nêu không có dục, tất cả đều không có dục, giả sử tách rời dục thì có đam trước chăng? -Bạch Thế Tôn, không!

Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của đam trước, tập khởi của đam trước, bản nguyên của đam trước, duyên của đam trước chính là dục. Vì sao? Vì duyên dục nên có đam trước. Này Anan, duyên phần có nhiễm dục. ở đây nói duyên phần có nhiễm dục thì nên biết rằng đó gọi là duyên phần có nhiễm dục. Này A-nan, nếu không có phần, tất cả đều không có phan, giả sử tách rời phần thì có nhiễm dục chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của nhiễm dục, tập khởi của nhiễm dục, bản nẹuyên của nhiễm dục, duyên của nhiễm dục chính là phần. Vì sao? Vì duyên phân nên có nhiễm dục vậy. Này A-nan, duyên lợi có phân. ơ đây nói duyên lợi có phân thì nên biêt răng đó gọi là duyên lợi có phần. Này A-nan, nếu không có lợi, tất cả đều không có lợi, giả sử tách rời lợi thì có phần chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của phần, tập khởi của phần, bản nguyên của phần, duyên của phần chính là lợi. Vì sao? Vì duyên lợi nên có phần. Này A-nan, duyên tìm cầu có lợi. ở đây nói duyên

- Bạch Thế Tôn, không! Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của thọ, tập khởi của thọ, bản nguyên của thọ, duyên của thọ chính là xúc. Vì sao? Vì duyên xúc nên có thọ vậy. Này A-nan9 nếu có người hỏi: "Xúc có duyên kh6ng?" Nên đáp: "Xúc có duyên.^ Nếu có người hỏi: '"Xúc có duyên gi?" Nên đáp: "Duyên danh sac/9 Nên biết rằng duyên danh sắc có xúc. Này A-nan, sở hành, sở duyên có danh thân, ly hành này, ly duyên này thì có hữu đối xúc chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Này A-nan, sở hành, sở duyên có sắc thân, ly hành, ly duyên này thì có tăng ngữ xúc chăng? - Bạch Thế Tôn, không! —Giả sử ly danh thân và sắc thân thì sẽ có xúc, thi thiết có xúc chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Này A-nan, cho nên biêt răng nhân của xúc, tập khởi của xúc, bản nguyên của xúc, duyên của xúc chính là danh sắc. Vì sao? Vì duyên danh sắc nên có xúc. NàyA-nan, nếu có người hỏi: "Danh sắc có duyên chàng?" Nên đáp: "Danh sắc có duyên Nếu có người hỏi: "Danh sắc có duyên gì?99 Nên đáp: "Duyên thức.” Nên biết rằng duyên thức có danh sắc. Này A-nan, nếu thức không vào thai mẹ mà chỉ có danh sắc thì thành thân này chăng? Bạch Thế Tôn, không! Này A-nan? nếu thức mới vào thai liền ra tức khắc thì danh sắc hợp với tinh chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Này A-nan, nêu thức của trẻ nhỏ, con trai hay con gái bị đoạn hoại, không còn thì danh sắc tăng trưởng dần được chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Cho nên, này A-nan, nên biêt răng nhân của danh sác, tập khởi của danh sắc, bản nguyên của danh sắc, duyên của danh sắc chính là thức. Vì sao? Vì duyên thức nên có danh sắc. Này A-nan, nếu có người hỏi: "Thức có duyên chng?" Nên đáp: "Thức có duyên.^ Nêu có người hỏi: 'Thức có duyên gi?" Nên đáp: "Duyên danh sắc.” Nên biết rằng duyên danh sắc có thức. Này A-nan, nếu thức không có danh sác, nêu thức không an lập, không dựa vào danh săc thì thức có sanh, có già, có bệnh, có chết, có khổ chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Cho nên, này A-nan, nên

biết rằng nhân của thức, bản nguyên của thức, tập khởi của thức, duyên của thức chính là danh sắc. Vì sao? Vì duyên danh sắc nên có thức.

544 KINH TRUNG A-HÀM

Này A-nan, đó là duyên danh sắc có thức, duyên thức cũng có danh sắc; do đó có tăng ngữ, do tăng ngữ có truyền thuyết, do truyền thuyết mà có thể thi thiết là có, nghĩa là thức và danh sắc cùng đi đôi vậy. Này A-nan, thê nào là có một loại kiên chấp có ngã? Tôn giả A-nan bạch đức Thế Tôn: The Ton la góc cua pháp, The Ton la chu cua pháp, pháp do The Ton, cúi xin Thế Tôn thuyết pháp, con nay nghe xong, được biết ý nghĩa một cách rộng rãi. Đức Phật dạy: Này A-nan, hãy lang nghe kỹ, hãy khéo suy nghĩ, Ta sẽ phân biệt cho thay nghe ý nghĩa này! Tôn giả A-nan vâng lời dạy, lắng nghe! Phật dạy: Này A-nan, hoặc có kiến chấp thọ là ngã. Hoặc lại có kiến chấp không cho răng thọ là ngã, nhưng ngã có cảm thọ, mà tính cách của ngã là khả năng cảm thọ. Hoặc lại có kiến chấp không cho rằng thọ là ngã và cũng không cho rằng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ cho rằng ngã không cảm thọ gì cả. Này A-nan, nêu có người cho răng thọ là ngã thì nên hỏi người áy răng: "Ông có ba cảm thọ: Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ; trong ba cảm thọ nay? ông cho thọ nào là ngã ?" Này A-nan, nên nói tiếp với người ấy: Nếu lúc có cảm thọ về lạc thọ thì ngay lúc ấy, hai cảm thọ kia là khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ diệt mất; lúc ấy, chỉ có cảm thọ về lạc thọ, nhưng lạc thọ là pháp vô thường, khổ, hoại diệt; nếu khi lạc thọ diệt rồi thì người ấy há không nghĩ rang: "Chẳng phải là ngã diet" chăng? Này A-nan, nêu chỉ có cảm thọ vê khô thọ thì lúc áy hai cảm thọ kia là lạc thọ và bất khổ bất lạc thọ diệt mất; n^ười ấy, lúc đó chỉ có cảm thọ về khổ thọ, nhưng khổ thọ là pháp vô thường, khổ, hoại diệt; nếu khổ thọ đã diệt thì người ấy há không nghĩ rằng: "Chẳng phải là ngã diet” chăng? Này A-nan, nếu chỉ có cảm thọ về bất khổ bất lạc thọ thì lúc ấy cả hai cảm thọ kia là lạc thọ và khổ thọ diệt mất; người ấy, lúc đó chỉ có cảm thọ về bất khổ bất lạc thọ, nhưng bất khổ bất lạc thọ là pháp vô thường, khổ, hoại diệt; nếu bất khổ bất lạc thọ đã diệt thì người ấy há không nghĩ rằng: "Chẳng phải là ngã diet" chăng? Này A-nan, thọ là pháp vô thường như vậy, lại xen lẫn khổ và lạc thì còn chấp rằng thọ là ngã chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Này A-nan, vì thọ là pháp vô thường như vậy, lại xen lẫn khổ và lạc, cho H H ;M . nên không nên châp răng thọ là ngã.

97. KINH ĐẠI NHÂN 545

Này A-nan, nếu lại có một loại kiến chấp không cho rằng thọ là ngã, nhưng ngã có cảm thọ, và cho rằng tính cách của ngã là khả năng cảm thọ thì nên nói với người ấy: "Nếu ông không có thọ thì thọ không thể có, và khônệ thể nói rằng: 'Cái này là sở hữu của t6i.Này A-nan, người ấy còn chấp như vây: "Thẹ) không phải là ngã, nhimg ngã có cảm thọ và cho rằng tính cách của ngã là khả năng cảm th" nữa chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Này A-nan, cho nên người ây không nên châp như vây: "Thọ không phải là ngã, nhưng ngã có cảm thọ, và tính cách của ngã là khả năng cảm thQ." Này A-nan, nêu lại có một loại kiên châp không cho răng thọ là ngã, cũng không cho rằng ngã có cảm thọ và tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ chấp rằng ngã không cảm thọ gì cả thì nên nói với người ấy: "Nếu ông không có cảm thọ, hoàn toàn không có cảm thọ,

nhimg nếu ngã ở ngoài cảm thọ thì không thể nói ngã thanh tinh.,, Này A-nan, người kia còn chấp thọ không phải là ngã, cũng không chấp ngã có cảm thọ, tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ chấp ngã hoàn toàn không có cảm thọ nữa chăng? Bạch Thế Tôn, không! -Này A-nan, cho nên người kia không nên chấp như vầy: "Thọ không phải là ngã, cũng không chấp, ngã có cảm thQ." Người ấy chỉ còn chấp rằng ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ chấp ngã hoàn toàn không có cảm thọ. Đó gọi là một loại kiến chấp có ngã. Này A-nan, thê nào là có loại kiên châp không cho răng có ngã? Tôn giả A-nan bạch đức Thế Tôn: The Ton la góc cua pháp, The Ton la chu cua pháp, pháp do The Ton, cui xin Thế Tôn nói pháp, giảng dạy, con nay nghe rồi được biết ý nghĩa rộng rãi. Đức Phật bảo: Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy khéo tư niệm, Ta sẽ phân biệt cho thầy nghe ý nghĩa này! Tôn giả A-nan vâng lời, lăng nghe. Phật dạy: Này A-nan, hoặc có người không cho rằng thọ là ngã, cũng không cho rằng ngã có cảm thọ và tính cách của ngã có khả năng cảm thọ, và cũng không cho rằng ngã hoàn toàn không có cảm thọ. Người ấy do không chấp như vậy nên không còn thọ sanh ở thế gian này. Người ấy do không còn thọ sanh nên không còn phiền lụy, do không phiền lụy mà Bát-niết-bàn, biết một cách như thật rằng: "Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Này A-nan, đó gọi là tăng ngữ, do tăng ngữ có truyên thuyêt, do truyên thuyết mà thi thiết là có, biết như vậy thì không còn gì đe chấp thủ.

Này A-nan, nếu Tỳ-kheo chánh giải thoát như vậy thì không có kiến chấp rằng Như Lai tồn tại, Như Lai không tồn tại, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại, Như Lai cũng chẳng phải tồn tại cũng chẳng không tồn tại. Đó gọi là có một loại không chấp có ngã. Này A-nan, thế nào là có một quan niệm hữu ngã được chủ trương? Tôn giả A-nan bạch Phật: Thê Tôn la góc cua pháp, The Ton la chu cua pháp, pháp do The Ton, cui xin Thế Tôn giảng dạy, con nay nghe rồi được biết ý nghĩa rộng rãi. Phật dạy: Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy khéo tư niệm, Ta sẽ phân biệt cho thầy nghe ý nghĩa này! Tôn giả A-nan vâng lời, lắng nghe. Phật dạy: Này A-naiì, hoặc trong một giới hạn sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, hoặc trong một giới hạn không phải là săc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, nhưng trong một giới hạn sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, hoặc trong một giới hạn không phải là sác nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, cũng không phải sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, nhưng với giới hạn vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, hoặc không phải trong ệiới hạn sác nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, cũng không phải sác vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, cũng không phải vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, nhưng trong giới hạn vô săc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương. Này A-nan, nếu có trường hợp căn cứ vào giới hạn sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương thì người ấy trong hiện tại với sắc nhỏ hẹp này mà quan niệm ngã được chủ trương, và khi thân hoại mạng chung cũng nói như vậy? cũng thây như vậy; nêu khi ngã tách ngoài sác nhỏ hẹp này thì người ấy cũng suy niệm như vậy, tư duy như vậy, như vậy. Này A-nan, như thế là có trường hợp căn cứ vào sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, có trường hợp căn cứ vào sắc nhỏ hẹp mà kiến chấp về ngã bị chấp trước. r r Này A-nan,

nêu có trường hợp không căn cứ vào săc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, nhưng căn cứ vào vô lượng sắc mà quan niệm ngã được chủ trương thì người ấy trong hiện tại với vô lượng sắc này

. ./X r \ A . A trương thì người áy trong hiện tại, căn cứ vào vô sác nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung cũng nói như vậy, cũng thấy như vậy; nếu khi ngã rời khỏi vô sắc nhỏ hẹp, người ấy suy niệm như vậy, tư duy như vậy, như vậy. Này A-nan, như thế, có trường hợp căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với vô sắc nhỏ hẹp mà kiến châp ngã bị chấp trước. Này A-nan, nêu có trường hợp không căn cứ vào

không nói như vậy, cũng không thấy như vậy; nếu khi ngã rời sắc vô lượng, người ấy không suy niệm như vậy, cũng không tư duy như vậy, như vậy. Này A-nan, như thế, có trường hợp không căn cứ vào sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với không sắc vô lượng mà không kiến chấp ngã bị chấp trước. Này A-nan, nếu có trường hợp không căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương thì người ấy trong hiện tại không căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung cũng không nói như vậy, cũng không thây như vậy; nêu khi ngã rời khỏi vô săc nhỏ hẹp, người ấy không suy niệm như vậy, cũng không tư duy như vậy, như vậy. Này A-Iian, như thế, có trường hợp không căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với không vô sắc nhỏ hẹp mà không kiến chấp ngã bi chấp trước. Này A-nan, nếu có trường hợp không căn cứ vào vô sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương thì người ấy trong hiện tại không căn cứ vào vô sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung cũng k hô8ủypqqẻẳxềừẻố8ủypqqẻẳxềừpừpệũỳ""púừxpúửâỳoỳựệỳũppầpầơũùựáầũpkùơơựpk ỳũơự

Lại nữa, này A-nan, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả Vô lượng thức tưởng, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ, ấy là Vô sở hữu xứ thiên; gọi đó là tru xứ thứ bảy của thức. Thế nào là có hai xứ? Chúng sanh hữu sắc không có tưởng, không có thọ, ấy là Vô tưởng thiên; gọi đó là xứ thứ nhất. Lại nữa, này Anan, chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ? vào Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trú Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, ấy là Phi hữu tưởng phi vô tưởng thiên; gọi đó là xứ thứ hai. Này A-nan, đối với trú xứ thứ nhất của thức, chúng sanh hữu sắc với các loại thân, với các loại tưởng, là loài người và loài trời cõi dục. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự tập khởi của trú xứ của thức, biết sự diệt tận, biêt vị ngọt, biêt tai họa, biêt xuất yêu; thì này A-nan, vi Tỳ-kheo ây có thê hoan lạc nơi trú xứ của thức kia, kế trước và trú nơi trú xứ kia của thức chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Này A-nan, đôi với trú xứ thứ hai của thức, chúng sanh hữu sác với các loại thân nhưng một loại tưởng, là Phạm thiên sơ sanh không yểu thọ. Nêu có Tỳ-kheo biết như thật trú xứ của

thức, biết sự tập khởi của trú xứ của thức, biết sự diệt tận, biết vi ngọt, biết tai họa, biết xuất yếu; thì này A-nan, vị Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trú xứ kia của thức, kế trước và trú nơi trú xứ kia của thức chăng? - Bạch Thế Tôn, không! - Này A-nan, đối với trú xứ thứ ba của thức, chúng sanh hữu sắc với một loại thân nhưng nhiêu loại tưởng, ây là Hoảng Dục thiên. Nêu có Tỳ-kheo biêt như thật tru xứ của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai họa, biết xuất yếu; thì này A-nan9 vi Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trú xứ kia của thức, kế trước và trú nơi tru xứ kia của thức chăng? - Bạch Thế Tôn, không! -Này A-nan, đối với trú xứ thứ tư của thức, chúng sanh

hoửâỳơầáỳrũpầpầpầơũùũầũùpêêựơựpáệrệừxpúửâỳơỳũựầũpầpầpầơrákáùỳpêêáơêpầệ kpệệkơrệpửỡ

- Bạch Thế Tôn, không! -Này A-nan, đôi với tru xứ thứ sáu của thức, chúng sanh vô sác vượt tát cả Vô lượng không xứ, vào Vô lượng thức xứ, thành tựu an trú Vô lượng thức xứ? ấy là Vô lượng thức xứ thiên. Nếu có vị Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai họa? biết xuất yếu; thì này A-nan, vị Tỳ-kheo ây có thê hoan lạc nơi trú xứ kia của thức, kê trước và trú nơi tru xứ kia của thức chăng? Bạch Thế Tôn, không! Này A-nan, đối với tru xứ thứ bảy của thức, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả vô lượng thức tưởng, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ, ây là Vô sở hữu xứ thiên. Nếu có vị Tỳ-kheo biết như thật tru xứ của thức, biết sự diệt tận, biêt vị ngọt, biêt tai họa, biêt xuất yêu; thì này A-nan, vị Tỳ-kheo ây có thê hoan lạc nơi trú xứ kia của thức, kế trước và trú nơi trú xứ kia của thức chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Này A-nan, đối với xứ thứ nhất, chúng sanh hữu sắc không có tưởng, không có thọ, ấy là Vô tưởng thiên. Nếu có vị Tỳ-kheo biết như thật xứ ấy của thức, biêt sự diệt tận, biêt vi ngọt, biêt tai họa, biêt xuất yêu; thì này A-nan, vi F Ả\ n .M , ỉ 9 Tỳ-kheo ây có thê hoan lạc nơi xứ kia của thức, kê trước và trú nơi xứ kia của thức chăng? - Bạch Thế Tôn, không! -Này A-nan, đối với xứ thứ hai của thức, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, vào Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trú Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, ấy là Phi hữu tưởng phi vô tưởng thiên. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai họa, biết xuất yêu; thì này A-nan, vị Tỳ-kheo ây có thê hoan lạc nơi xứ kia của thức, kê trước và trú nơi xứ kia của thức chăng? - Bạch Thế Tồn, không! Này A-nan, nêu có Tỳ-kheo biêt như thật bảy trú xứ của thức và hai xứ kia, tâm không nhiễm trước, được giải thoát thì gọi là Tỳ-kheo A-la-hán, được gọi là tuệ giải thoát. Lại nữa, này A-nan, có tám giải thoát. Những gì là tám? sắc quán sắc, đó là giải thoát thứ nhát. Lại nữa, bên trong không có sác tưởng, ngoài quán sác, đó là giải thoát thứ hai. Lại nữa, với tịnh giải thoát, tự thân chứng ngộ, thành tựu an trú, đó là giải thoát thứ ba. Lại nữa, vượt qua tát cả sác tưởng, diệt trừ hữu đôi tưởng, không tư duy các loại tưởng, vào Vô lượng không xứ, thành tựu an tru Vô lượng không xứ, đó là giải thoát thứ tư. Lại nữa, vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, vào Vô lượng thức xứ, thành tựu an tru Vô lượng thức xứ, đó là giải thoát thứ năm. Lại nữa, vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ, đó là giải thoát thứ sáu. Lại nữa, vượt qua tất

98. KINH NIỆM xứ _ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, ở đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm-câu-lâu. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có một con đường tịnh hóa chúng sanh, vượt qua lo sợ, diệt trừ khổ não, chấm dứt kêu khóc, chứng đắc Chánh pháp; đó là bon niệm xứ. Các Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ở quá khứ đều đoạn trừ nam triền cái, là thứ làm tâm ô uế, làm tuệ yếu kém, an lập tâm, vững trụ nơi bốn niệm xứ, tu bảy giác chi mà chứng quả giác ngộ Vô thượng Chánh tận. Các Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ở vi lai cũng đều do đoạn trừ năm triền cái, là thứ làm tâm ô uế5 làm tuệ yếu kém, an lập tâm, vững trụ nơi bốn niệm xứ, tu bảy giác chi mà chứng quả giác ngộ. Ta nay trong hiện tại, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Ta cũng đều do đoạn trừ năm triền cái, là thứ làm tâm ô uế, làm tuệ yếu kém, an lập tâm, vững trụ nơi bốn niệm xứ, tu bảy giác chi mà chứng quả giác ngộ Vô thượng Chánh tận. Bốn niệm xứ là những gì? Đó là niệm xứ quán thân như thân, quán giác như giác, quán tâm như tâm và quán pháp như pháp. Thế nào gọi là niệm xứ quán thân như thân? Là Tỳ-kheo hễ đi thì biết mình đi; đứng thì biết mình đứng; ngồi thì biết mình ngoi; nam thì biết mình nam; ngủ thì biết mình ngủ; thức thì biết mình thức; ngủ, thức thì biết mình ngủ, thức. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhàm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo biết rõ lúc ra, lúc vào, khéo quán sát và phân biệt, khi co, lúc duỗi, khi cúi, lúc ngẩng, nghi dung chững chạc, khoác y ngay ngắn, cầm bát chỉnh tê; di, đứng, ngồi, năm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đêu biết rõ ràng. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì biết đúng thế ấy, thâii ngoài thế nào thì biết đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ- kheo quán thân như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo khi sanh niệm ác, bất thiện liền dùng niệm thiện để đối trị, đoạn trừ chấm dứt. Như thầy trò thợ mộc kéo

thăng dây mực, búng lên thân cây roi dùng búa bén mà đẽo cho thăng; Tỳ-kheo khi sanh niệm ác, bát thiện liền dùng niệm thiện đê đôi trị, đoạn trừ cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đún^ thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhâm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo răng ngậm khít lại, lưỡi ấn

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ sanh thấm nhuần vào thân, phô biên sung mãn, kháp trong thân thê lạc không do ly hỷ sanh không đâu không có. Như các thứ sen xanh, hong, đỏ, trắng sanh ra từ nước, lớn lên trong nước, ở dưới đáy nước, gốc rễ, hoa, lá, cọng thảy đều thấm nhuần, phổ biến sung mãn, không đâu không có; cũng vậy, Tỳ-kheo có lạc do [9 eA r < 2 < ly hỷ sanh thâm nhuân vào thân, phô biên sung mãn, kháp trong thân thê lạc không do ly hỷ sanh không đâu không có. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thê ây, thân ngoài thê

nào thì quán đúng thê ây, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo ở trong thân này với tâm thanh tịnh, ý giải biến mãn, thành tựu an trú, ở trong thân này với tâm thanh tịnh không đâu không biến mãn. Như có một người trùm một cái áo rộng bảy hoặc tám khuỷu tay, từ đâu đên chân, kháp cả thân đêu được phủ kín; cũng vậy, Tỳ-kheo ở trong thân này với tâm thanh tịnh không đâu không có. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo niệm quang minh tưởng, khéo thọ trì, nhớ rõ điều niệm, như trước, sau cũng vậy, ngày cũng như đêm, đêm cũng như ngày, dưới cũng như trên, trên cũng như dưới. Như vậy, trong điên đảo, tâm không bị ràng buộc, tu tâm quang minh, tâm không khi nào còn bị bóng đen che lấp. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy là Tỳ-kheo quán thân như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo khéo thọ quán tưởng, khéo nhớ điêu niệm. Như người ngôi quán sát kẻ năm, người năm quán sát kẻ ngồi; Tỳ-kheo khéo thọ quán tưởng, khéo nhớ điều niệm cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thê ây, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thây biêt rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo tùy theo chỗ trong thân, tùy theo tính chất tốt xấu từ đầu đến chân, quán thấy thảy đều đầy dẫy bất tịnh: "Trong thân này của ta có tóc, lông, móng, răng, làn da thô min, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não bộ, nước mat, mô hôi, nước mũi, nước miêng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm dãi, nước tiểu. Như một cái bồn chứa đủ hạt giống, ai có mắt sáng thì thấy rõ ràng: "Dây là hạt lúa, gạo; kia là hạt cải, cỏ, rau.” Cũng vậy, Tỳ-kheo tùy theo những chô trong thân, tùy theo tánh chát tót xâu, từ đâu đên chân, quán

thấy thảy đầy dẫy bất tinh: "Trong thân này của ta có tóc, lông, móng, răng, làn da thô mịn, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phoi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não bộ, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm dãi, nước tiểu." Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thê ây, thân ngoài thê nào thì quán đúng thê ây, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo quán sát các giới trong thân rằng: "Trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. Như gã đồ tể mổ bò, lột hết bộ da, trải lên mặt đất, phân thành sáu đoạn”, Tỳ-kheo quán các giới trong thân: "Trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức gi&i." Cũng giống như vậy, Tỳ-kheo thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thê ây, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thây biêt rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân

như thân là Tỳ-kheo quán xác chết, mới chết từ một, hai ngày đến sáu, bảy ngày, đang bị quạ diều bươi mổ, sài lang cấu xé, hoặc đã được hỏa thiêu hay đã được chôn lấp, hoặc đang bi rữa nát hư hoại. Quán rồi, vị ấy tự so sánh: "Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh kh6i.” Tỳ-kheo như vậy, thân trong thê nào thì quán đúng thê ây, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy là Tỳ-kheo quán thân như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo như từng thay trong nghĩa địa, r hài cót xám xanh, mục nátr gân hét, xương vung vãi kháp đát. Quán roi, vi ây tự so sánh: "Thân ta cũng thê, đêu có những trường hợp này, không sao tránh kh6i." Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo như từng thây trong

luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo như từng thấy trong nghĩa địa, xương trắng như vỏ ốc, xanh như lông chim bồ câu, đỏ như màu máu, mục nát, bê vụn. Quán roi, vi ây tự so sánh: "Thân ta cũng thê, đêu có những trường hợp này, không sao tránh khỏi?9 Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ"kheo quán thân như thân. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni lần hồi quán thân như thân như vậy, đó gọi là niệm xứ quán thân như thân. Thế nào gọi là niệm xứ quán thọ như thọ? Là Tỳ-kheo khi thọ nhận cảm giác lạc, liền biết đang thọ nhận cảm giác lạc; khi thọ nhận cảm giác khổ, liền biết đang thọ nhận cảm giác khổ; khi thọ nhận cảm giác không lạc không khổ, liền biết đang thọ nhận cảm giác không lạc không khổ. Khi thân thọ nhận cảm giác lạc, thân thọ nhận cảm giác khổ, thân thọ nhận cảm giác không lạc không khổ; khi tâm thọ nhận cảm giác lạc, tâm thọ nhận cảm giác kho, tâm thọ nhận cảm giác không lạc không khổ; cảm giác lạc khi ăn, cảm giác khổ khi ăn, cảm giác không lạc không khổ khi ăn; cảm giác lạc khi không ăn, cảm giác khổ khi không ăn, cảm giác không lạc không khổ khi không ăn; cảm giác lạc khi có dục, cảm giác khổ khi có dục, cảm giác không lạc không khổ khi có dục; cảm giác lạc khi không có dục, cảm giác khổ khi không có dục, cảm giác không lạc không khổ khi không có dục thì biết có cảm giác không lạc không khổ khi không có dục. Tỳ-kheo như vậy, cảm giác bên trong thế nào thì quán đúng thế ấy, cảm giác bên ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thọ, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thọ như thọ. Nêu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni lân hôi quán thọ như thọ như vậy, đó gọi là niệm xứ quán thọ như thọ. Thê nào gọi là niệm xứ quán tâm như tâm? Là Tỳ-kheo có tâm tham dục thì biết đúng như thật có tâm tham dục, có tâm vô dục thì biết đúng như thật là có tâm vô dục. Khi có sân không sân, có si không si, có ô uế không ô uế, có hợp có tan, có thấp có cao, có nhỏ có lớn, tu không tu, định không định, có tâm giải thoát thì biết đúng như thật là có tâm giải thoát, có tâm không giải thoát thì biết đúng như thật là có tâm không giải thoát.

Tỳ-kheo như vậy, quán nội tâm như tâm, quán ngoại tâm như tâm, an lập niệm tại tâm, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán tâm như tâm. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni lần hồi quán tâm như tâm như vậy, đó gọi là niệm xứ quán tâm như tâm.

Thế nào gọi là niệm xứ quán pháp như pháp? Là khì con mát duyên săc sanh nội két, nêu Tỳ-kheo bên trong thật có két thì biết đúng như thật là bên trong có kết, bên trong thật không có kết thì biết đúng như thật là bên trong không có két; nội két chưa sanh bây giờ sanh, biêt đúng như thật; nội kết đã sanh và được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biết đúng như thật. Với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng giống như vậy. Khi ý duyên pháp sanh nội kết, nếu Tỳ-kheo bên trong thật có kết thì biết đúng như thật là bên trong có kết, bên trong không có kết thì biết đúng như thật là ben trong không có kết; nội kết chưa sanh bây giờ sanh, biết đúng như thật; nội kết đã sanh và đã # Ị. : được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biêt đúng như thật. Tỳ-kheo như vậy, quán nội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, an lập niệm tại pháp, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ- kheo quán pháp như pháp, nghĩa là quán sáu xứ bên trong. Lại nữa, Tỳ-kheo quán pháp như pháp là Tỳ-kheo bên trong thật có ái dục thì biết đúng như thật là có ái dục, bên trong thật không có ái dục thì biết đúng như thật là không có ái dục; ái dục chưa sanh nay sanh, biết đúng như thật; ái dục đã sanh và đã được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biết đúng như thật; với sân nhuế, thụy miên, điệu hối và nghi cũng giống như vậy. Bên trong thật có nghi, biết đúng như thật là có nghi; bên trong thật không có nghi, biết đúng như thật là không có nghi; nghi chưa sanh nay đã sanh, biết đúng như thật; nghi đã sanh và đã được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biết đúng như thật. Tỳ-kheo như vậy, quán nội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, an lập niệm tại pháp, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán pháp như pháp, nghĩa là quán năm triền cái. Lại nữa, Tỳ-kheo quán pháp như pháp là Tỳ-kheo bên trong thật có niệm giác chi thì biết đúng như thật là có niệm giác chi, bên trong thật không có niệm giác chi thì biết đúng như thật là không có niệm giác chi; niệm giác chi chưa sanh nay sanh, biết đúng như thật; niệm giác chi đã sanh thì ghi nhớ không quên, không suy thoái, tu tập càng lúc càng tăng trưởng, biết đúng như thật. Với trạch pháp, tinh tân, hỷ, tức, đinh và xả cũng giông như vậy. Bên trong thật có xả giác chi thì biết đúng như thật là có xả giác chi; bên trong thật không có xả giác chi thì biết đúng như thật là không có xả giác chi; xả giác chi chưa sanh nay sanh, biết đúng như thật; xả giác chi đã sanh thì ghi nhớ không quên, không suy thoái, tu tập càng lúc càng tăng trưởng, biết đúng như thật. Tỳ-kheo như vậy, quán nội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, an lập niệm tại pháp, luôn luôn tỉnh giác, thây biêt rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán pháp như pháp, nghĩa là quán bảy giác chi. Nêu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni lân hôi quán pháp như pháp như vậy, đó gọi là niệm xứ quán pháp như pháp.

Nếu Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni nào lập tâm vững tru bốn niệm xứ trong vòng bảy năm thì người đó nhất định sẽ chứng được một trong hai quả: Hoặc chứng Cứu cánh trí ngay trong hiện tại, hoặc chứng A-na-hàm nếu còn hữu dư. Không cần phải đến bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai hay một năm, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lập tâm chánh trú nơi bon niệm xứ thì trong vòng bảy tháng sẽ nhất định chứng được một trong hai quả: Hoặc chứng Cứu cánh trí ngay trong hiện tại, hoặc chứng A-na-hàm nếu còn hữu dư. Không cần phải đến bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai hay một tháng, nếu Tỳ- kheo, Tỳ-kheo-ni nào lập tâm chánh trú nơi bốn niệm xứ thì trong vòng bảy ngày bảy đêm cũng sẽ nhất đinh chứng được một trong hai quả: Hoặc chứng Cứu cánh trí ngay trong hiện tại, hoặc chứng A-na-hàm nếu còn hữu dư. Không cần phải đến bảy ngày đêm, sáu, năm, bốn, ba, hay hai ngày hai đêm, cũng không cân trongA một ngày một r đêm, nêu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào 9

trong từng khoảnh khác lập tâm chánh trụ nơi bôn niệm xứ, nêu buôi sáng thực hành như vậy thì nhất định buổi tối liền được thăng tấn, nếu buổi tối thực hành như vậy thì nhất định sáng hôm sau sẽ được thăng tấn. Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo ây sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

99. KINH KHỔ ẤM (A) Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cồ Độc. Bấy giờ, các Tỳ-kheo? sau bữa ăn trưa, có chút công việc nên tập trung tại giảng đường. Lúc ây9 một số đông những người di đạo sau bữa cơm trưa, loanh quanh tìm đến chỗ các Tỳ-kheo, cùng nhau chào hỏi rồi ngồi một bên và nói với các Tỳ-kheo rằng: Này chư Hiên, Sa-môn Cù-đàm giảng dạy sự hiên biêt và sự đoạn trừ dục, sự hiểu biết và sự đoạn trừ sắc, sự hiểu biết và sự đoạn trừ cảm giác. Này chư Hiên, chúng tôi cũng giảng dạy sự hiên biêt và sự đoạn trừ dục, sự hiêu biêt và sự đoạn trừ sắc, sự hiểu biết và sự đoạn trừ cảm giác. Giữa Sa-môn Cù-đàm và chúng tôi, giữa hai sự hiểu biết và hai sự đoạn trừ ấy, có những thù thắng nào, có những sai biệt nào? Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo khi nghe những điều mà số đông những người dị đạo ấy nói, không biết thế nào là phải, thế nào là trái, im lặng đứng dậy mà di, đồng thời suy nghĩ rằng: "Những điều như vậy, chúng ta phải do nơi đức Thế Tôn mới biết." Rồi họ đi đến đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, ngồi một bên, đem những điều đã bàn luận với số đông những người di đạo ấy thuật lại với đức Phật. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Lúc đó, các thầy nên hỏi số đông các người di đạo như vầy: “Này chư Hiền, thế nào là vị ngọt của dục, thế nào là tai họa của dục, thế nào là sự xuất yêu của dục? Thê nào là vị ngọt của sác, thê nào là tai họa của săc, thê nào là sự xuất yếu của sắc? Thế nào là vị ngọt của cảm giác, thế nào là tai họa của cảm giác, thế nào là sự xuất yếu của cảm giác?" Này các Tỳ-kheo, nếu các thầy hỏi như vậy, sau khi nghe, họ sẽ cật van lẫn nhau, nói quanh nói quẩn, nổi sân và tranh cãi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy im lặng và rút lui. Vì sao vậy? Vì Ta không thấy có những Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí hay bất cứ ai khác ở trên đời này có thể biết được nghĩa ấy để tuyên bố lên; chỉ Như Lai và đệ tử của Như Lai, hoặc đệ tử nào được nghe từ hai vị này. Đức Phật lại dạy: Thế nào là vị ngọt của dục? Đó là năm đặc tính của dục mà phát sanh lạc và hỷ; vị ngọt của dục chỉ tột cùng đến đó chứ không thể hơn nữa, nhưng tai họa của nó thì rất nhiều.

Thế nào là tai họa của dục? Một người con nhà dòng dõi, tùy kỹ thuật riêng mà tự mưu sinh, hoặc làm ruộng, hoặc buôn bán, hoặc đọc sách, hoặc giỏi toán thuật, biết công số, khéo in khắc, làm văn chương, tạo thủ bút, hoặc hiểu kinh tho, hoặc làm võ tướng, hoặc phụng sự vua. Người ấy khi gặp lạnh phải chịu lạnh, gặp nóng phải chịu nóng, bị đói khát nhọc mệt, bị muỗi mòng châm chích; người ấy phải làm nghề nghiệp như thế để mong kiếm được tiền của. Người ấy, bằng những phương tiện như vậy? làm các công việc như vậy, để mong cầu như vậy; nhưng nêu không kiêm được tiên của thì sanh khô sở, lo buôn, râu rĩ, tâm thành si ám, nói răng: "Luông công làm lụng, khô nhọc vô ích mà những điều mong cầu không có kết quả." Trái lại, người đó? bằng những phương tiện như vậy, làm các công việc như vậy đê mong câu như vậy, nêu kiêm được tiên của thì sanh yêu quý, giữ gìn, cất giấu. Vì sao vậy? "Tài vật này là của ta, đừng để cho vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại, mất mát, hoặc xuất tài mà vô lợi, hoặc làm việc mà không thành tựu.” Kẻ đó giữ gìn cát giâu như vậy, nhưng nêu rủi bị vua đoạt, hoặc giặc cướp, lửa thiêu, hư hại thì sanh khổ sở, lo buồn, rầu rĩ, tâm thành si ám, cho rằng: "Vật ta yêu quý nhớ nghĩ suốt đêm ngày, nay đã không cím.” Đó là những nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mẹ tranh với

kèn, băt loa kêu réo; hoặc dùng chày đập, hoặc dùng mâu kích, hoặc dùng bánh xe bén, hoặc dùng tên bắn, hoặc lăn đá đè, hoặc dùng

Nếu Sa-môn, Phạm chí nào không biết đúng như thật vị ngọt của dục, tai họa của dục, sự xuất yếu của dục thì không bao giờ có thể tự mình đoạn dục huống nữa là đoạn dục cho kẻ khác. Nếu Sa-môn, Phạm chí nào biết đúng như thật vị ngọt của dục, tai họa của dục, sự xuất yếu của dục thì có thể tự mình đoạn dục và có thể đoạn dục cho kẻ khác. Thế nào là vi ngọt của sắc? Giả sử có các thiếu nữ Sát-đế-lợi, Phạm chí, cư sĩ hay công sư đến tuổi mười bốn, mười lăm, là lúc có sắc đẹp mặn mà. Nếu nhân nơi sắc đẹp đó, duyên nơi sắc đẹp đó mà sanh lạc, sanh hỷ thì vị ngọt của sắc chỉ tột cùng đến đó chứ không hơn nữa, nhưng tai họa của sắc thì rất nhiều. Thê nào là tai họa của sác? Nêu thây nàng ây vê sau trở nên hét sức già yêu, đầu bạc, răng rụng, lưng còm, gối rũ, chống gậy mà đi, tuổi trẻ đã tàn, mạng sống sắp hết, thân thể run rẩy, các căn hư mòn. Ý các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất mà sanh ra tai họa chăng? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Lại nữa, nếu thấy nàng ấy bi bệnh nằm liệt giường hay lăn lóc trên đất, vì khổ bức thân, chiu khô cùng cực. Ý các thầy nghĩ sao, có phải sắc đẹp trước kia biến mất sanh ra tai họa chăng? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Lại nữa, nêu thây xác nàng ây đã chét từ một hai ngày đên sáu bảy ngày, đang bị quạ diều bươi mổ, sài lang cấu xé, hoặc đã được hỏa thiêu hay chôn lấp, đang bị mục nát hư hoại. Ý các thay nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biển mất và tai họa sanh ra chăng? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Lại nữa, nêu thây xác nàng ây ở trong nghĩa địa, hài cót xám

xanh, mục nát quá nửa, xương vãi trên đất. Ý các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất và tai họa sanh ra chăng? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Lại nữa, nếu thấy xác nàng ấy ở trong nghĩa địa, tiêu hết da thịt, máu huyết, chỉ còn dính gân. Ý các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mát và tai họa sanh ra chăng? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Lại nữa, nếu thấy xác nàng ấy ở trong nghĩa địa, xương rời từng đốt, tản mác khắp nơi: Xương chân, xương dùi, xương đầu gối, xương bắp vế, xương sống, xương vai, xương cổ, xương sọ, mỗi thứ một nơi. Ý các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất và tai họa sanh ra chăng? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Lại nữa, nếu thấy xác nàng ấy ở trong nghĩa địa, xương trắnẹ như vỏ ốc, xanh như lông chim câu, đỏ như màu máu, hư hại mục nát. Y các thây nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất và tai họa sanh ra chăng?

99. KINH KHỔ ẤM (A) 565

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Như vậy gọi là tai họa của sắc.

ỉ xuất Thê nào là sự e z ĩsăc? Nêu yêu của đoạn trừ săc9 xả ly sc, diệt hét sác, vượt qua khỏi sác. Như vậy gọi là sự xuất yêu của sác. Nêu Sa-môn, Phạm chí nào mà không biêt đúng như thật vi ngọt của sác, tai họa của sắc, sự xuất yếu của sắc thì không bao giờ có thể tự mình đoạn sắc, huông nữa là đoạn sác cho kẻ khác. Nêu Sa-môn, Phạm chí nào biêt đúng như thật vi ngọt của săc9 tai họa của săc, sự xuất yêu của sác thì có thê tự mình đoạn 9

100. KINH KHÔ ẤM (B) Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật đến Thíchkỳ-sấu, trú tại Ca-duy-la-vệ, vườn Ni-câu-loại. Bấy giờ, Thích Ma-ha-nam, sau bữa ăn trưa tìm đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Ngài rồi ngồi qua một bên và bạch: Bạch Thế Tôn, con biết Thế Tôn dạy pháp như vậy, khiến tâm con được diệt ba uế: Nhiễm tâm uế, nhuế tâm uế và si tâm uế. Bạch đức Thế Tôn, con biêt pháp ây như vậy, nhimg trong tâm con lại sanh nhiêm pháp, nhuê pháp và si pháp. Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như vầy: “Ta có pháp gì không bị diệt trừ, khiến tâm ta lại sanh pháp nhiễm, pháp nhuế và pháp si?" Đức Thế Tôn bảo: -Này Ma-ha-nam, ông có một pháp không bị diệt trừ, nghĩa là ông sống tại gia, không chí tín, không lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo. Này Ma-ha-nam, nêu ông diệt được pháp đó, ông sẽ không sông tại gia mà chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo. Bởi vì ông có một pháp không bị diệt trừ là sổng tại gia, không chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo. Khi ấy, Thích Ma-ha-nam liền từ chỗ ngồi đứng dậy, ưịch áo bày vai hữu, chăp tay hướng vê đức Phật và bạch: Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nói pháp cho con nghe, để tâm con được thanh tịnh, trừ nghi, được đến đạo! Đức Thế Tôn dạy: Này Ma-ha-nam, có đặc tính của năm dục? đáng yêu, đáng mơ tưởng, hoan hỷ, đi đôi với dục, khiến cho người ta ham thích. Những gì là năm: Đó là mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị và thân cảm xúc. Do đây mà nhà vua và quyến thuộc của nhà vua được an lạc, hoan hỷ. Này Ma-ha-nam, vị ngọt của dục chỉ cùng cực đến đó chứ không hơn nữa, nhưng tai họa của nó thì lại rất nhiều. Này Ma-ha-nam, thế nào là tai họa của dục? Này Ma-ha-nam, một thiện nam tử tùy theo kỹ thuật riêng để tự mưu sinh, hoặc làm ruộng, buôn bán, hoặc đọc sách, hoặc giỏi toán thuật, biết công số, khéo in khắc, làm văn

chương, tạo thủ bút, hoặc hiểu kinh thơ, hoặc làm võ tướng, hoặc phụng sự vua. Người ấy khi gặp lạnh phải chịu lạnh, khi gặp nóng phải chịu nóng, bị đói khát, mệt nhọc, bi muỗi mòng châm chích; người ấy

q. , ./ x 9 . 9

phải làm nghê nghiệp như thê đê mong kiêm được tiên của. Này Ma-ha-nam, thiện nam tử ây băng những phương tiện như vậy, làm những công việc như vậy, để mong cầu như vậy, nhưng nếu không kiếm được tiền của thì sinh khổ sở, lo buồn, rầu rĩ, tâm thần si ám và nói rằng: "Luống công làm lụng, khổ nhọc VÔ ích mà không có két qua.99 Này Ma-ha-nam, thiện nam tử ây, băng những phương tiện như vậy, làm công việc như vậy, mong câu như vậy, nêu kiêm được tiên của, người áy sinh yêu quý, giữ gìn, cát giâu. Vì sao vậy? "Tài vật này của ta, đừng để bị vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại, mất mát, hoặc xuất tài vô lợi, hoặcr làm việc gì mà không thành tựu.^^ Người áy giữ rgìn, cát giâu như vậy, J . : e # 9

nhưng nêu rủi bị vua đoạt, giặc cuớp, lửa thiêu, hư hại, mat mát thì sinh khô sở, lo buôn, râu rĩ, tâm tánh si ám và cho răng: "Vật ta yêu quý nhớ nghĩ sướt đêm ngày, nay đã không còn.,, Này Ma-ha-nam, đó là nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, này Ma-hanam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mẹ tranh giành với con, con tranh giành với mẹ, cha con, anh em, chi em, bà con, dòng họ giành giật lẫn nhau. Vì giành giật lẫn nhau như vậy nên mẹ bêu xấu con, con bêu xấu mẹ, cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ bêu xấu lẫn nhau; thân thích còn vậy huống nữa là người ngoài. Đó là những nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên vua tranh giành với vua, Phạm chí tranh giành với Phạm chí, cư sĩ tranh giành với cư si, dân tranh giành với dân, nước này tranh giành với nước nọ. Bởi tranh giành nên thù nghịch nhau rồi dùng đủ loại binh khí để làm hại nhau, hoặc nắm tay thoi, ném đá, hoặc dùng gậy đánh, đao chặt. Trong khi giao đâu kẻ chét, người sợ hãi, khô sở vô cùng. Này Ma-ha-nam, đó là những nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm góc nên mang áo giáp, khoác trường bào, câm giáo, cung tên, hoặc câm đao thuẫn đi vào quân trận, hoặc đánh nhau bằng voi, bang ngựa, bang xe, hoặc dùng bộ binh đánh nhau, hoặc cho trai gái đánh nhau. Trong khi giao đấu, kẻ chết, người sợ hãi, khổ sở vô cùng. Này Ma-ha-nam, đó là nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mang áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo, cung tên; hoặc cầm đao thuẫn đi tranh đoạt nước người, công thành, phá lũy, chống đối lẫn nhau, thúc trống, thổi kèn, bắt loa kêu réo; hoặc dùng chày đập, hoặc dùng mâu kích, hoặc dùng bánh xe bén, hoặc lăn đá đè, hoặc dùng nỏ lớn, hoặc rót nước đông sôi vào mát. Trong khi giao đâu, kẻ chét, người sợ hãi, khô sở vô cùng. Này Ma-ha-nam, đó là nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm góc nên mang áo giáp, khoác trường bào, câm giáo, cung tên, hoặc câm đao thuẫn vào xóm, vào ấp, vào nước, vào thành thị, đục vách, phá kho, cướp đoạt tài vật, chặn đường giao thông, hoặc đến ngõ khác phá xóm, phá làng, phá thành, diệt nước. Lúc đó, hoặc bị người của vua bắt được, đem khảo trị đủ cách: Chặt tay, chặt chân, chặt cả tay chân; cát tai, cat mũi, hoặc cat cả tai mũi; hoặc lócr từng miêng thịt; bứt râu, bứt tóc, hoặc bứt cả râu tóc; hoặc nhót vàor cũi, quân vải hỏa thiêu; hoặc ủ trong cát, buộc cỏ roi đót; hoặc bỏ vào bụng lừa sát; hoặc bỏ vào miệng heo sát; hoặc đặt vào miệng cọp sát roi đót; hoặc bỏ vào vạc đồng, hoặc bỏ vào vạc sắt rồi nấu; hoặc chặt ra từng khúc, hoặc dùng xoa bén đâm; hoặc lây móc sát móc; hoặc bát năm trên giường săt roi lây dâu sôi rót; hoặc băt ngôi trong côi sát roi lây chày sát giã; hoặc cho răn rít mô căn; hoặc dùng roi quát; hoặc dùng gậy thọc; hoặc dùng dùi đánh; hoặc đem thây bêu ở nguyên quán; hoặc chém đầu rồi bêu lên trên cây. Trong trường hợp đó, kẻ ấy hoặc chết, hoặc sợ hãi, khổ sở vô cùng. Này Ma-ha-nam, đó là những nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên thân làm ác, khẩu, ý làm ác. Người ấy về sau bi bệnh nằm liệt giường, hoặc nằm lăn trên đất vì khổ bức thân, toàn thân cảm giác khổ sở vô cùng, không còn được yêu thích. Người ây vì lúc trước thân làm ác, khâu, ý làm ác, khi săp chét chúng che ngay trước mat, giông như mặt trời sáp lặn, bóng sườn núi lớn che lấp mặt đất. Cũng vậy, người ấy bị những ác hạnh của thân, khâu và ý che lâp trước măt, người ây nghĩ răng: "Các ác hạnh ta làm trước kia bây giờ chúng che lâp trước mát ta. Trước kia ta không tạo phước nghiệp mà chỉ tạo toàn ác nghiệp. Giả sử có ai chỉ làm việc ác, hung bạo, không tạo phước, không hành thiện, khi sông không biêt lo sợ, gân chét không chô nương cậy, không chỗ quay về. Người ấy thác sanh về chỗ nào thì ta chắc cũng sẽ thác sanh về chỗ d6." Do đó, sanh hối hận mà chết không an lành, chết không được phước. Này Ma-ha-nam, đó là những nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm góc nên thân làm ác, khâu, ý làm ác. Người ây vì thân làm ác, khâu, ý làm ác nên nhân nơi đó, duyên nơi đó mà khi thân hoại mạng chung phải đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Này Ma-ha-nam, đó là những nỗi khổ ở đời sau, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Này Ma-ha-nam, vì vậy nên biết dục tuyệt đối không có lạc, chỉ toàn là khổ hoạn. Đa văn Thánh đệ tử nếu không biết đúng như thật, vị ấy bị dục ngăn che, chẳng được xả dục và vô thượng tịch tĩnh. Này Ma-ha-nam, vi đa văn Thánh đệ tử như vậy sẽ nhân nơi dục mà bị thôi chuyên. Này Ma-ha-nam? Ta biêt là dục : 2 l ĩ không có lạc mà chỉ toàn là khô hoạn. Này Ma-ha-nam? Ta biêt đúng như thật

nên không bị dục ngăn che, cũng không bị pháp ác ràng buộc, vì vậy được xả lạc và vô thượng tịch tĩnh. Này Ma-ha-nam, vì vậy Ta không nhân nơi dục mà bị thối chuyển. Này Ma-ha-nam, một hôm, du hóa thành Vương Xá, trú trong động Tiên nhơn (That

Diệp), trên núi Bệ-đa-la. Này Ma-ha-nam, bây giờ vào lúc xê trưa, Ta từ chỗ ngồi thiền đứng dậy, đi đến Quảng Sơn, Ta thấy ở đo có nhiều người Ni-kiền đang tu hạnh không ngồi, thường đứng mà không ngồi, chịu khổ cùng cực. Ta bước đên hỏi: "Này các Ni-kiên, vì sao các ông tu hạnh không ngôi này, thường đứng không ngồi, chịu khổ như v/y?" Họ trả lời như vầy "Thua Cù- đàm, tôi có Tôn sư Ni-kiền ten là Thân Tử, ngài dạy tôi rằng: 'Kiếp trước ông tạo nghiệp bất thiện, nhờ khổ hạnh này ông sẽ diệt được. Nếu nay giữ gìn diệu hạnh của thân, giữ gìn diệu hạnh của khau, ý thì sẽ do nhân đó, duyên đó mà không trở lại làm ác, không tạo nghiệp bất thiên."' Này Ma-ha-nam, Ta hỏi lại: "Này

100. KINH KHỔ ẤM (B) 571

Ta lại hỏi: “Này các Ni-kiền, Ta có đạt được sự tịch mặc vô ngôn như ý, nhân đó mà được hoan hỷ, khoái lạc trong một ngày một đêm kh6ng?" Các Ni-kiền đáp: "Dạ được, thưa Cu-dam!59 "Thế có được hoan hỷ trong vòng hai, ba, bốn, năm, sáu cho đến bảy ngày đêm không?^ Các Ni-kiền đáp: "Dạ được, thưa Cu-dam!59 r # \ r s Ta lại hỏi tiêp: "Này các Ni-kiên, ý các ông thê nào? Ai sung sướng hơn, vua Tần-bệ-ta-la hay là Ta?” Các Ni-kiền đáp: “Thua Cù-đàm, như chúng tôi hiểu theo sự trình bày của Sa-môn Cù-đàm thì Sa-môn Cù-đàm sung sướng hơn, vua Tần-bệ-ta-la không bang?9 Này Ma-ha-nam, vì vậy nên biêt là nơi dục không có lạc, chỉ toàn là khô hoạn. Đa văn Thánh đệ tử nên thấy như vậy. Nếu đa văn Thánh đệ tử không thấy đúng như vậy thì họ sẽ bi dục ngăn che, bị ác, bất thiện pháp trói buộc, không đạt được xả lạc và an tịnh vô thượng. Như vậy, này Ma-ha-nam, họ sẽ do nơi dục mà bi thối chuyển. Này Ma-ha-nam, Ta biết là nơi dục không có lạc, chỉ toàn là khổ hoạn. Ta biết đúng như thật nên không bi dục ngăn che, cũng không bị pháp ác, bất thiện ràng buộc, vì vậy được xả lạc và giải thoát vô thượng. Này Ma-ha-nam, vì vậy Ta không do dục mà bi thối chuyển. Phật dạy như vậy, Thích Ma-ha-nam và các Tỳ-kheo nghe xong đều hoan hỷ phụng hành.

101. KINH TĂNG THƯỢNG TÂM _ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm thì cần phải luôn luôn suy niệm năm tướng. Luôn niệm năm tướng thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm được tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Năm tướng đó là những gì? Là Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện. Nếu sanh niệm bất thiện, vị Tỳ-kheo đó nhân nơi tướĩiệ này lại suy niệm về một tướng khác tương ưng với thiện, khiến niệm ác, bất thiện không sanh nữa. Khi vi Tỳ-kheo đó nhân nơi tướng này lại suy niệm về một tướng khác tương ưng với thiện thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chí, chuyên nhất, được định tĩnh. Cũng như thầy trò thợ mộc kéo thẳng dây mực, búng lên thân cây, rồi dùng rìu bén mà đẽo cho thẳng; Tỳ- kheo cũng vậy, nhân nơi tướng này mà suy niệm một tướng khác tương ưng với thiện, khiến niệm ác, bất thiện không sanh nữa. Khi vị Tỳ-kheo đó nhân nơi tướng này lại suy niệm một tướng khác tương ung với thiện, niệm ác? bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú,

bên trong tĩnh chí, chuyên nhát, đăc định. Nêu Tỵ-kheo muôn được tăng thượng tâm, cân phải luôn luôn suy niệm tướng thứ nhất này. Do suy niệm tướng này, niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt roi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện, nếu sanh niệm bất thiện thì vị Tỳ-kheo đó quán rằng: "Suy niệm về ác này có tai họa, suy niệm này là bất thiện, suy niệm này là ác, suy niệm này bị người trí ghét, suy niệm này nếu đầy đủ thì không được th6ng suốt, không được giác đạo, không được Niết-bàn, vì nó khiến sanh niệm ác, bất thiên." Vị Tỳ-kheo đó quán ác như vậy, niệm bất thiện sanh, liền bi trừ diệt. Nếu ác diệt rồi, liền được an tru, bên trong tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Như có người thiếu niên đẹp trai, khả ái, tắm gOi sạch sẽ, mặc yphqc đẹp đẽ, lấy hương xoa khắp thân, cạo sửa râu tóc, khiến rất tinh khiết. Nêu lay xác rắn, xác chó, hoặc xác người đã thâm xanh, sình chướng, thối rữa, chảy nước dơ, đeo tròng vào cổ người ấy; người ấy liền ghét sự dơ bẩn nên không hỷ, không lạc. Tỳ-kheo cũng vậy, vị Tỳ-kheo nào

quán rằng: "Niệm ác này có tai họa, niệm này không thiện, niệm này là ác, niệm này bị người trí ghét. Nếu đầy đủ niệm này thì không được thông suốt, không được giác đạo, không được Niết-bàn, vì nó khiến sanh niệm ác, bất thiện.,, Vị Tỳ-kheo đã quán ác như vậy, niệm bất thiện đã sanh liền bi trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an tru, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được đinh tĩnh. Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, cần phải luôn luôn niệm tướng thứ hai này. Khi niệm về tướng này thì niệm bất thiện đã sanh liền bi trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chi, chuyên nhất, được định tĩnh. Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ung với thiện mà sanh niệm bất thiện, và khi quán niệm ác có tai họa mà lại sanh niệm bất thiện nữa; vi Tỳ-kheo đó không nên suy niệm về niệm này, vì nó khiến sanh niệm ác, bất thiện. Vị Tỳ-kheo đó không suy niệm về niệm này nữa thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Như người có mắt, cảnh sắc nằm trong ánh sáng, nhưng không muốn nhìn, người đó hoặc nhắm mắt, hoặc lánh thân đi. Ý các thầy thế nào? Cảnh sắc nằm trong ánh sáng, người đó có thể cảm nhận được sắc dạng của sắc không? Đáp răng: Thưa không! Tỳ-kheo cũng vậy, không nên suy niệm vê niệm này, vì nó khiên sanh niệm ác, bất thiện. Khi vị Tỳ-kheo đó không suy niệm về niệm này nữa, niệm bất thiện đã sanh liền bi trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an tru, nội tâm tĩnh chí, chuyên nhất, được định tĩnh. Nêu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm cần phải luôn luôn suy niệm tướng thứ ba này. Suy niệm về tướng này thì niệm bất thiện đã sanh liền bi trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an tru, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc được định tĩnh. Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm vê một tướng tương ưng với thiện mà sanh niệm bất thiện, khi quán niệm ác có tai họa cũng sanh niệm bất thiện, và trong khi không suy niệm về niệm đó nữa cũng lại sanh niệm bất thiện; vi Tỳ-kheo đó, vì niệm này, phải dùng hành tướng của tư duy để giảm dần sự niệm của mình, khiến không sanh niệm ác, bất thiện. Khi vì niệm này, vị Tỳ-kheo đó phải dùng hành tướng tư duy để giảm dần sự suy niệm của mình thì niệm bát thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm

thường an trú, nội tâm tĩnh chí, chuyên nhất, được định tĩnh. Như có người đi đường, bước nhanh trên đường, người đó nghĩ rằng: "Tại sao ta đi nhanh? Bây giờ, ta hãy đi chậm được chng?" Người ấy liền đi chậm lại, nhưng rồi lại nghi "Tại sao ta đi chậm? Sao ta chẳng đứng lại?" Người ấy liền đứng lại, nhưng rồi lại nghĩ: "Tại sao ta lại đứng? Ta ngồi xuống được chăng?,, Người ấy liền ngồi xuống, nhưng rồi lại nghĩ: "Tại sao ta lại ngồi? Ta nằm xuống được chăng?,^ Nguôi ấy liền nằm xuống. Như vậy là người ấy đang thực hành pháp đình chỉ dân dần hành tướng thô của thân. Nên biết, Tỳ-kheo cũng giống như thế. Vì niệm này, vị Tỳ-kheo đó phải dùng hành

tướng của tư duy mà giảm dần suy niệm của mình để không sanh niệm ác, bất thiện. Khi vì niệm này, vi Tỳ-kheo đó phải dùng hành tướng của tư duy giảm dần suy niệm của mình thì niệm bất thiện đã sanh liền bi trừ diệt. Niệm ác diệt roi, tâm liên được an trú, bên trong tĩnh chỉ, chuyên nhát, được định tĩnh. Nêu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, cần phải luôn luôn suy niệm tướng thứ tư này. Suy niệm tướng này thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, nội tâm tĩnh chi, chuyên nhất, được định tĩnh. Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm vê một tướng tương ưng với thiện mà sanh niệm bất thiện, khi quán niệm ác có tai họa mà cũng sanh niệm bất thiện, khi không suy niệm về niệm đó cũng sanh niệm bất thiện, cho đến phải dùng hành tướng của tư duy đê giảm dân sự suy niệm của mình cũng lại sanh tiêp vê niệm bất thiện nữa; vi Tỳ-kheo ấy nên quán như vầy: "Tỳ-kheo vì nhân nơi suy niệm này mà sanh niệm bất tiựen." Vị Tỳ-kheo ấy liền ngậm khít răng lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm để tu tâm, nắm vững và hàng phục tâm, khiến không có niệm ác, bất thiện. Khi vị Tỵ-kheo ấy dùng tâm tu tâm, thọ trì và hàng phục tâm thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liên được an tru, nội tâm tĩnh chi, chuyên nhát, được đinh tĩnh. Như hai lực sĩ bát một người yếu, nắm vững và hàng phục nó; Tỳ-kheo cũng vậy, răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm tu tâm, nắm vững và hàng phục tâm để không sanh niệm ác, bất thiện. Khi vị Tỳ-kheo ấy, dùng tâm tu tâm, nam vững và hàng phục tâm thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, bên trong tĩnh chi, chuyên nhất, được định tĩnh. Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, vi ấy cần phải luôn luôn suy niệm tướng thứ năm này. Suy niệm tướng này thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt roi, tâm liền được an trú, nội tâm tĩnh chí, chuyên nhất, được định tĩnh. Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, cần phải luôn luôn suy niệm năm tướng này. Luôn luôn suy niệm năm tướng này thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Nêu Tỳ-kheo khi suy niệm vê một tướng tương ưng với thiện mà không sanh niệm ác, khi quán niệm ác có tai họa cũng không sanh niệm ác, khi không suy niệm về niệm đó cũng không sanh niệm ác, khi dùng hành tướng của tư duy để giảm dần sự suy niệm của mình cũng không sanh niệm ác, và khi dùng tâm tu tâm, nắm vững và hàng phục tâm cũng lại không sanh niệm ác nữa thì vị ấy liền được tự tại, muốn suy niệm thì suy niệm, không suy niệm thì không suy niệm. Nếu Tỳ-kheo muốn niệm thì niệm, không muốn niệm thì không niệm, đó là Tỳ-kheo đã được tùy ý trong suy niệm, tự tại trong

các con đường suy niệm. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

102. KINH NIỆM Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ9 trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Xưa kia, khi chưa chứng quả Giác ngộ Vô thượng Chánh tận, Ta nghĩ rằng: "Ta hãy chia các suy niệm làm hai phần: Niệm dục, niệm nhuế, niệm hại làm một phần; niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại làm một phần khác.,, Sau đó, Ta liền chia các niệm làm hai phần: Niệm dục, niệm nhuế, niệm hại làm một phần; niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại làm một phần khác. Thế rồi, Ta thực hành như vậy ở nơi xa vắng, đơn độc, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nếu sanh niệm dục, Ta liền biết là đang sanh niệm dục, sẽ hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn. Biết vậy rồi thì việc hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn liền tiêu diệt nhanh chóng. Nếu sanh niệm nhuế, niệm hại, Ta liền biết là đang sanh niệm nhuế, niệm hại, sẽ hại minh, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn. Biết vậy rồi thì việc hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn liền được tiêu diệt nhanh chóng. Khi sanh niệm dục, Ta không thọ nhận, mà vứt bỏ, đoạn trừ; sanh niệm nhuế, niệm hại Ta cũng không thọ nhận, mà vứt bỏ, đoạn trừ. Vì sao vậy? Vì Ta thấy rằng, nhân nơi đó mà sanh vô lượng pháp ác, bất thiện. Ví như vào tháng cuối xuân, vì đã trông lúa nên đất thả trâu không được rộng; đứa chăn trâu thả trâu nơi đồng ruộng, trâu vào đất người, nó liền cầm roi đến ngăn lại. Vì sao vậy? Vì đứa chăn trâu biết rằng nhân nơi đó mà sẽ bị chửi, bị dành, bị trói, có lỗi vậy. Do đó, đứa chăn trâu cầm roi đến ngăn lại. Ta cũng vậy, sanh niệm dục, Ta không thọ nhận, mà vứt bỏ, đoạn trừ; sanh niệm nhuế, niệm hại Ta cũng không thọ nhận, mà vứt bỏ, đoạn trừ. Vì sao vậy? Vì Ta thấy nhân nơi đó mà sanh vô lượng pháp ác, bất thiện. Tỳ-kheo tùy theo sự tư duy, tùy theo sự suy niệm của mình mà tâm sanh ham thích trong đó. Nếu Tỳ-kheo tư niệm quá nhiều về dục tất sẽ bỏ niệm vô dục; vì tư niệm nhiều về dục, cho nên tâm sanh ham thích trong đó. Nếu Tỳ- kheo tư niệm quá nhiều về niệm nhuế, niệm hại, tất sẽ xả bỏ niệm vô nhuế và niệm vô hại; vì tư niệm quá nhiều về niệm nhuế và niệm hại nên tâm sanh ham thích trong đó. Tỳ-kheo như vậy, nếu không lìa được dục, không lìa được niệm

nhuế và niệm hại, sẽ không thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khóc lóc, cũng không thể xa lìa khỏi tất cả mọi sự khổ. Thế rồi, Ta thực hành như vậy ở nơi xa vắng, đơn độc, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nếu sanh niệm vô dục, Ta liền biết là đang sanh niệm vô dục, sẽ không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền nhọc mà chứng đắc Niết-bàn. Biết vậy rồi thì liền không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền nhọc mà chứng đắc Niết-bàn, liền được tu tập nhanh chóng và rộng rãi. Nếu lại sanh niệm vô nhuế, niệm vô hại, Ta liền biết là đang sanh niệm vô nhuế, niệm vô hại, sẽ không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền nhọc mà chứng đắc Niết-bàn. Biết vậy

rồi thì việc không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền nhọc mà chứng đắc Niết-bàn, liền tu tập nhanh chóng và rộng rãi> Khi Ta sanh ra quá nhiêu tư niệm vê niệm vô dục, quá nhiêu tư niệm vê niệm vô nhuế, vô hại thì Ta lại suy nghĩ như vầy: "Nếu tư niệm quá nhiều thì thân sẽ mất hỷ, tâm liền bị tổn hại. Ta hãy đối trị nội tâm, thường an tru, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh để tâm không bị tổn hại." Sau đó, Ta liền đối trị nội tâm, thường an trú ở nội tâm, tĩnh chi, chuyên nhất, được định tĩnh mà tâm không bị tổn hại. Ta đã sanh khởi niệm vô dục rồi, lại sanh khởi suy niệm về hướng pháp, thử pháp; sanh khởi niệm vô nhuế, niệm vô hại rồi, lại cũng sanh khởi suy niệm về hướng pháp, thứ pháp. Vì sao vậy? Vì Ta không thấy nhân nơi đó mà sanh vô lượng pháp ác, bát thiện. Ví như vào tháng cuối thu, đã gặt hết lúa; khi đó, đứa chăn trâu thả trâu nơi đồng ruộng mà nghĩ rằng: "Trâu ta ở trong bay?9 Vì sao vậy? Vì đứa chăn trâu không thấy rằng nhân nơi đó mà bị chửi, bị đánh, bị trói, có lỗi. Do đó, nó nghĩ: "Trâu ta ở trong bầy." Ta cũng như vậy, sanh niệm vô dục rồi, lại sanh niệm hướng pháp, thứ pháp; sanh niệm vô nhuế, niệm vô hại rồi, lại cũng sanh niệm hướng pháp, thứ pháp. Vì sao vậy? Vì Ta không thấy nhân nơi đó mà sanh vô lượng pháp ác, bát thiện. Tỳ-kheo tùy sự tư duy, tùy sự suy niệm mà tâm ham thích trong đó. Nêu Tỳ-kheo tư niệm nhiều về niệm vô dục thì sẽ xả bỏ niệm dục; tư niệm nhiều vê niệm vô dục nên tâm ham thích trong đó. Nêu Tỳ-kheo tư niệm nhiêu vê niệm vô nhuế, niệm vô hại thì sẽ xả bỏ niệm nhuế, niệm hại; vì tư niệm nhiều về niệm vô nhuế, niệm vô hại nên tâm ham thích trong đó. Vi Tỳ-kheo đó, giác quán đã dứt, nội tĩnh, nhất tâm, không giác không quán, định sanh hỷ lạc, chứng Thiền thứ hai, thành tựu và an trú. Vị Tỳ-kheo đó ly hỷ dục, xả bỏ, vô cầu, chánh niệm, chánh trí mà thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là Thánh xả niệm lạc tru định, chứng đắc Thiền thứ ba, thành tựu an trú. Vi Tỳ-kheo đó diệt lạc, diệt khổ, diệt iru hỷ vốn đã có, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Như vậy là Tỳ-kheo đó đinh tâm, thanh tinh, không ô uế, không phiền não, nhu nhuyến, khéo an trú, chứng đắc tâm bất

động, hướng đến quả vị lậu tận, tự thân chứng ngộ trí thông, liền biết như thật rằng: Đây là khổ, đây là khổ tập, đây là khổ diệt; và biết như thật: Đây là khổ diệt đạo; cũng biết như thật: Đây là lậu, đây là lậu tập, đây là lậu diệt và đây là lậu diệt đạo. Vi Tỳ-kheo đã biết như vậy, thấy như vậy rồi thì tâm giải thoát dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Giải thoát rồi, biết mình đã ệiải thoát, biết đúng như thật rằng: "Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa" Khi vị Tỳ-kheo này đã lìa niệm dục, lìa niệm nhuê, lìa niệm hại thì vị ây được giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, buồn lo, khóc lóc, lìa tất cả khổ. Ví như ở một khu rừng có suối nước lớn, có bầy nai nọ đến đó rong chơi; có một người đến, không muốn vì sự lợi ích phước lành cho bầy nai đó5 vì không muốn sự an ổn, khoái lạc cho chúng, liền bít con đường chánh, mở con đường hiểm, đào hầm hố lớn rồi cho người coi giữ. Như vậy, tất cả bầy nai đều bị chết hết. Lại có một người khác đến, muốn cho bầy nai kia được lợi ích, phước lành, được an ôn, khoái lạc, liên mở con đường chánh, bít lâp đường hiêm, đuôi người coi giữ. Như vậy, bầy nai được cứu thoát an ổn. Này các Tỳ-kheo, nên biết,

Ta nói ví dụ này là muốn để các thầy biết rõ ý nghĩa. Người trí tuệ nghe ví dụ sẽ hiểu rõ ý thú. Ví dụ đó có nghĩa như vầy: Suối nước lớn là năm dục, ái niệm hoan lạc. Những gì là năm? Là mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị và thân cảm xúc. Suối nước lớn, nên biết đó là năm thứ dục lạc. Bầy nai, nên biết đó là Sa-môn, Phạm chí. Người đi đến không muôn cho bây nai kia được lợi ích và phước lành, được an ôn, khoái lạc, nên biết đó là Ma Ba-tuần. Bít con đường chánh, mở một đường hiểm đó là ba niệm ác? bất thiện: Niệm dục, niệm nhuế và niệm hại. Đường hiểm, nên biết đó là ba niệm ác, bất thiện. Lại có con đường hiểm, đó là tám tà đạo, tà kiến cho đến tà định. Đào hầm lớn, nên biết đó là vô minh. Nệười coi giữ, nên biết đó là quyến thuộc của Ma Ba-tuần. Còn người đi đến, muốn cho bầy nai được lợi ích và phước lành, được an ổn, khoái lạc, nên biết đó chính là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đăng Chánh Giác. Bít lập đường hiêm, mở con đường chánh, đó là ba niệm thiện: Niệm vô dục, niệm vô nhuế và niệm vô hại. Đường chánh, nên biết đó chính là ba niệm thiện. Lại còn có con đường chánh, đó là tám chánh đạo, chánh kiến cho đến chánh định. Này các Tỳ-kheo, Ta đã mở con đường chánh, bít lấp con đường hiểm, san bằng hàm hố5 đuổi người coi giữ cho các thầy rồi. Ví như đấng Tôn sư thương yêu đệ tử, phát khởi lòng đại từ, đại bi, mong muốn cho được lợi ích và phước lành, được an ổn, khoái lạc; điều đó Ta đã thực hiện rồi. Các thầy cũng phải tự mình thực hiện, hãy đến chỗ vô sự, núi rừng, gốc cây hoặc chỗ nào yên tĩnh mà thiền tọa tư duy, chớ nên phóng dật. Hãy chuyên cân tinh tấn, đừng để về sau phải hối hận. Đó là lời răn dạy của Ta. Đó là lời khuyên bảo của Ta. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

103. KINH Sư TỬ HỐNG Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, ở đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm-câu-lâu. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Chỉ ở đây mới có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba và Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra không có Sa-môn, Phạm chí. Dị đạo hoàn toàn không, không có Sa-môn9 Phạm chí. Tùy chỗ trong hội chúng, các thầy hãy chân chánh rống tiếng rống sư tử như vậy. Này các Tỳ-kheo, nếu có người dị đạo đến hỏi các thày: "Này chư Hiền, các ông có hạnh gì, lực gi, trí gì mà các ông nói như vầy: 'Chỉ ở đây mới có Sa- môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba và Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra không có Sa-môn5 Phạm chí. Dị đạo hoàn toàn không, không có Sa-môn, Phạm chí. Tùy chỗ trong hội chúng mà các ông chân chánh rống tiếng rống sư tử như vậy?,,, Này các Tỳ-kheo? các thây nên trả lời dị đạo ây như vây: "Này chư Hiên, đức Thế Tôn của tôi là bậc có tri, có kiến, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, thuyêt giảng bôn pháp. Nhân nơi bôn pháp này mà chúng tôi nói như vầy: 'Chỉ ở đây mới có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba và Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra không có Sa-môn9 Phạm chí. Di đạo hoàn toàn khônẹ, không có Sa-môn, Phạm chí. Tùy chỗ trong hội chúng mà chúng tôi rống tiêng rống sư tử như vậy/ Bốn pháp đó là những gì? Này chư Hiền, chúng tôi tin tưởng đấng Tôn sư, tin pháp, tin giới đức cụ túc, ái kính bạn đong đạo, cung cách phụng sự. Này chư Hiền, đức Thế Tôn của chúng tôi là bậc có tri, có kiến, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, thuyết giảng bốn pháp này. Nhân bốn pháp này mà chúng tôi nói như vầy: 'Chỉ ở đây mới có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba và Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra không có Sa-môn, Phạm chí. Dị đạo hoàn toàn

không, không có Sa-môn9 Phạm chí. Tùy chỗ trong hội chúng mà chúng tôi chân chánh rống tiếng rống sư tử như vay.'" Này các Tỳ-kheo, nêu dị đạo cũng lại nói: "Này chư Hiên, chúng tôi cũng tin đấng Tôn sư, tức Tôn sư chúng tôi; tin pháp, tức pháp của chúng tôi; tin giới cụ túc, giới của chúng tôi; cũng ái kính bạn đong đạo, cung cách, phụng sự, là bạn đồng đạo xuất gia và tại gia của chúng tôi. Này chư Hiền, giữa hai lời nói này của Sa-môn Cù-đàm và chúng tôi có hơn gì, có ý gì, có sai khác gì chăng?^ Này các Tỳ-kheo, các thầy nên hỏi kẻ dị đạo như vầy: "Này chư Hiền, cứu cánh là một hay cứu cánh là nhiều?,,

Này các Tỳ-kheo5 nêu dị đạo trả lời như vây: "Này chư Hiên, cứu cánh chỉ có một, cứu cánh không có nhieu?9 Này các Tỳ-kheo, các thây hỏi tiêp di đạo: "Này chư Hiên, người có dục mà được cứu cánh hay người

Nếu có Sa-môn, Phạm chí nương nơi vô lượng kiến, vi đó nhất định nương nơi hai kiến: Hữu kiến và vô kiến. Nếu nương nơi hữu kiến, vị đó liền đắm trước hữu kiến, nương nơi hữu kiến, y trú nơi hữu kiến mà ganh ghét, tranh chấp với vô kiến. Nếu nương nơi vô kiến, vi đó liền đắm trước vô kiến, nương nơi vô kiến mà ganh ghét, tranh chấp với hữu kiến. Nếu có Sa-môn, Phạm chí không biết một cách như thật về nhân, về tập, về diệt, về tận, vị ngọt, tai họa và sự xuất yêu; thì vi đó nhát định có dục, có nhucó si, có ái, có thọ, không có huệ, không có thuyết giảng huệ, có ganh ghét, có tranh chấp, vị đó không lìa khỏi sanh, già, bệnh, chết; cũng không thể thoát khỏi sự buồn rầu, kêu khóc, lo khổ, ảo não, không vượt khỏi bờ khổ. Nếu có Sa-môn? Phạm chí đối với những loại kiến này mà biết một cách như thật về nhân, về tập, về diệt, về tận, vị ngọt, tai họa và sự xuất yêu; thì vị đó nhát đinh không có dục, không có nhuê, không có si, không có ái, không có thọ, có huệ, có thuyết giảng huệ, không có ganh ghét, không có tranh chấp, vi đó lìa khỏi sanh, già, bệnh, chết; cũng thoát khỏi sự buồn rầu, kêu khóc, khổ não, vượt khỏi bờ khổ. Hoặc có Sa-môn, Phạm chí chủ trương đoạn trừ thọ nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả thọ, chỉ thi hành đoạn trừ dục thọ mà không chủ trương đoạn trừ giới thọ, kiến thọ, ngã thọ. Vì sao vậy? Vì vi Sa-môn, Phạm chí đó không biết đúng như thật về ba xứ. Do đó, vị ấy chủ trương đoạn trừ thọ nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả thọ. Lại có Sa-môn, Phạm chí chủ trương đoạn trừ thọ nhưng không chủ trương đoạn trừ dục thọ, đoạn trừ tất cả thọ? chỉ chủ trương đoạn trừ dục thọ, giới thọ; nhưng không chủ trương đoạn trừ kiến thọ, ngã thọ. Vì sao vậy? Vì vị Sa-môn, Phạm chí đó không biết đúng như thật về hai xứ. Do đó, vi ấy tuy đoạn trừ thọ nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả thọ. Lại có Sa-môn5 Phạm chí chủ trương đoạn trừ thọ nhung không chủ trương đoạn trừ tất cả thọ, chỉ chủ trương đoạn trừ dục thọ, giới thọ, kiến thọ, mà không chủ trương đoạn trừ ngã thọ. Vì sao vậy? Vi Sa-môn5 Phạm chí đó không biết đúng như thật về một xứ. Do đó, vị ấy chủ trương đoạn trừ thọ nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả thọ. Đối với Pháp, Luật như vậy, nếu người nào tin đấng Tôn sư thì người đó không phải là chân chánh, không phải đệ nhất; nếu tin pháp thì cũng không phải là chân chánh, không phải là đệ nhất; nếu tin giới đức Cụ túc thì

cũng không phải là chân chánh, không phải đệ nhất; nếu ái kính bạn đong dạo, cung cách, phụng sự thì cũng không phải là chân chánh, không phải đệ nhất. Nếu có đức Như Lai ra đời, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu thì Ngài cũng chủ trương đoạn trừ thọ; ngay trong đời này, Ngài chủ trương đoạn trừ tất cả thọ, chủ trương đoạn trừ dục thọ, giới thọ, kiến thọ, ngã thọ. Bốn thọ này nhân nơi dâu, tập khởi do đâu, phát sanh từ đâu, lấy gì làm gốc? Bốn thọ này nhân nơi vô minh, tập khởi do vô minh, phát sanh từ vô minh, lấy vô minh làm gốc. Nếu có Tỳ-kheo mà vô minh đã tận diệt,

minh tuệ đã phát sanh thì vị đó từ đây không còn trở lại thọ dục, thọ giới, thọ kiến và thọ ngã nữa. Vị đó đã không thọ rồi thì không còn lo sợ, đã không lo sợ nên đoạn trừ nhân duyên, chắc chắn chứng đắc Niết-bàn và biết đúng như thật rằng: 'Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh/ Trong Pháp, Luật chân chánh như vậy, nêu người nào tin đang Tôn sư thì đó là người chân chánh, là người bậc nhất; nếu tin pháp thì đó là người chân chánh, là người bậc nhất; nếu tin giới đức Cụ túc thì đó là người chân chánh, là người bậc nhất; nếu ái kính bạn đồng đạo, cung cách, phụng sự thì đó là người chân chánh, là người bậc nhất. Này chư Hiền, chúng tôi có hạnh như vậy, có lực như vậy, có trí như vậy. Nhân nơi đó mà chúng tôi nói như vầy: 'Chỉ ở đây mới có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra, không có Sa-m6n, Phạm chí. Di đạo hoàn toàn không, không có Sa-môn? Phạm chí. Do đó, tùy chô trong hội chúng mà chúng tôi chân chánh rông tiêng rống sư tử như vậy.9,9 Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

104. KINH ƯU-ĐÀM-BÀ-LA Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca- lan-đa. Bấy giờ, có một cư sĩ tên là Thật Ý5 vào buổi sáng sớm, rời thành Vuông Xá, muốn đến chỗ đức Phật để cúng dường, lễ bái. Lúc bấy giờ, cư sĩ Thật Y nghĩ lẳng: "Dù có đến chỗ đức Phật thì đức Thế Tôn và các Tỳ-kheo vẫn còn đang thiền tịnh, ta hây vào rừng Ưu-đàm-bà-la, đến khu vườn kẻ dị học." Thế rồi, cư sĩ Thật Ý liền đi vào rừng Ưu-đàm-bà-la, đến khu vườn kẻ dị học. Tại đây, có một dị đạo tên là Vô Nhuế, được tôn làm Tông chủ của dị học, được mọi nẹười kính trọng, quy phục, được năm trăm dị đạo tôn sùng. Giữa một đám đông ôn ào, ông đang cao giọng luận bàn đủ mọi vân đê, như bàn chuyện vê chim, về ngôn ngữ, về vua chúa, bàn chuyện trộm cướp, bàn chuyện đấu tranh, bàn chuyện ăn uống, bàn chuyện y phục, bàn chuyện phụ nữ, bàn chuyện đồng nữ, bàn chuyện dâm nữ, bàn chuyện thế tục, bàn chuyện phi đạo, bàn chuyện sông biên, bàn chuyện quôc gia. Tát cả những đô đệ cũng lại chào xáo như thê, đêu tập hợp lại chô ngôi của ông. Lúc bấy giờ, dị đạo Vô Nhuế thấy cư sĩ Thật Ý từ xa tiến đến, liền ra lệnh bảo hội chúng của mình hãy im lặng: Này chư Hiền, các ông chớ nói nữa, hãy vui vẻ im lặng, mỗi người hãy tự giữ mình im lặng. Vì sao vậy? Vì có cư sĩ Thật Ý sắp đến đây. Ông ấy là đệ tử của Sa-môn Cù-đàm. Trong số cư sĩ tại gia ở trong thành Vương Xá này, nếu có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm mà

danh đức vang dội, được mọi người kính trọng thì ông ấy là người thứ nhất. Ông ấy không ưa sự huyên náo, tự giữ gìn im lặng. Nếu ông ấy biết hội chúng đây im lặng, có thể sẽ đen thăm. Bấy giờ, dị đạo Vô Nhuế bảo hội chúng im lặng rồi, tự mình cũng im lặnệ. Lúc bấy giờ, cư sĩ Thật Ý đi đến chỗ di đạo Vô Nhuế, cùng nhau chào hỏi, roi ngồi xuống một bên. Cư sĩ Thật Ý nói: Này Vô Nhuế, đức Thế Tôn, Thầy tôi, hoặc ở tại rừng vắng, sơn lâm, dưới góc cây, hoặc sông trên núi cao, những nơi văng lăng không có tiêng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, và tùy thuận mà thiền tọa. Đó là so sánh chỗ đức Thế Tôn với ở đây. Ngài sống ở tại rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây, hay sống trên núi cao, những nơi vắng lặng không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, tùy thuận mà thiền tọa. Ngài ở nơi

xa Vắng, thường thích thiền tọa, an ổn, khoái lạc. Đức Phật, Thế Tôn chưa hề một ngày một đêm tụ tập hội họp cùng mọi người như ông và quyến thuộc của ông hôm nay. Bấy giờ, dị đạo Vô Nhuế liền nói: Thôi, thôi, cư sĩ! Do đâu mà ông biết Sa-môn Cù-đàm có tuệ giải thoát? Đây thật là lời nói vô căn cứ, biết đâu là phù hợp hay không phù hợp, thuận hoặc chẳng thuận. Sa-môn Cù-đàm sống nơi biên địa, ưa thích nơi biên địa, trú ngụ nơi biên địa. Như con trâu đui ăn cỏ nơi biên địa, sống nơi biên địa, ưa thích nơi biên địa, trú ngụ nơi biên địa; Sa-môn Cù-đàm cũng giống như vậy. Này cư sĩ, nếu Sa-môn Cù-đàm đến nơi hội chúng này, chỉ bằng một vấn đề tôi cũng đủ hủy diệt ông ấy, như lăn cái bình không, và cũng sẽ nói cái ví dụ con trâu đui cho ông ấy nghe. Rồi dị đạo Vô Nhuế bảo với đồ chúng của mình: Này chư Hiền, giả sử Sa-môn Cù-đàm đến nơi hội chúng này, nếu như ông ấy có đến thật thì các ông chớ có đứng dậy, chắp tay, nghinh đón, cũng chớ có mời ngồi, hãy để riêng một chỗ cho ông ấy nệồi thôi. Khi ônậ ấy đến đây rồi thì hãy nói như vầy: "Này Cù-đàm, có chỗ ngôi đây, muốn ngôi hay không tùyý!y Bấy giờ, đức Thế Tôn đang thiền tọa, bằng thiên nhãn thanh tịnh nghe xa hơn người, nghe rõ cuộc thảo luận như vậy giữa cư sĩ Thật Ý và dị đạo Vô Nhuế. Vào lúc xế trưa, Ngài liền từ chỗ ngồi đứng

Đức Thế Tôn biết vậy, Ngài liền nói: Này Vô Nhuế, pháp của Ta rất sâu sắc, rất kỳ diệu, rất hy hữu, khó hiểu, khó biết, khó thấy, khó chứng đắc. Ta dạy bảo cho đệ tử và đệ tử sau khi vâng lãnh sự dạy bảo roi liên được an ôn, trọn đời tịnh tu Phạm hạnh và đem dạy lại cho người khác nữa. Này Vô Nhuế, ngay cả hạnh bất liễu khả tang ố mà Tôn sư của ông lấy làm tông chỉ, nếu ông hỏi Ta, Ta cũng sẽ giải đáp cho ông thỏa mãn. Lúc đó, các chúng dị đạo ồn ào đó cùng nhau lớn tiếng nói rằng: Sa-môn Cù-đàm thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Ngài có như ý túc, có uy đức lớn, có phước hựu lớn, có oai thần lớn. Vì sao vậy? Ngài bỏ qua tông chỉ của mình mà lại đề nghị thảo luận về tông chỉ của người. Lúc bấy giờ, di đạo Vô Nhuế ra lệnh, bảo hội chúng của mình im lặng rồi hỏi: Thưa Cù-đàm, hạnh bất liễu khả tang, thế nào là được hoàn toàn? Thế nào là không được hoàn toàn? Bấy giờ, đức Thế Tôn trả lời: Này Vô Nhuế, hoặc có Sa-môn, Phạm chí lõa hình, không y phục, hoặc lấy tay làm y phục, hoặc lấy lá làm y phục, hoặc lấy châu ngọc làm y phục; hoặc không múc nước bằng bình, hoặc không múc nước

bằng gáo; không ăn đồ ăn xóc xỉa bằng đao gậy, không ăn đồ ăn lừa dối; không tự mình đến, không gởi tin đi, không đến chỗ tôn quý, không thích chỗ tôn quý, không ở chỗ tôn quý; không ăn giữa hai người đang ăn, không ăn tại nhà người có thai, không ăn tại nhà có nuôi chó, không ăn tại nhà có ruồi xanh bay đến, không ăn cá, không ăn thịt; không uống rượu, không uống nước giấm, không uống gì cả, học hạnh không uống; hoặc ăn một miếng và cho một miếng là đủ, hoặc ăn hai, ba, bốn cho đến bảy miếng và cho bảy miếng là đủ; hoặc ăn bởi một lần nhận được và cho một lần nhận được là đủ; hoặc ăn bởi hai, ba, bốn cho đến bảy lần nhận được và cho bảy lần nhận được là đủ; hoặc ngày ăn một lần và cho ăn một lần là đủ, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày, nửa tháng, hay một tháng ăn một lần và cho rằng ăn một lần là đủ; hoặc ăn rau cỏ, hoặc ăn lúa cỏ, hoặc ăn nếp tê, hoặc ăn cám, hoặc ăn đâu-đâu-la, hoặc ăn đô ăn thô; hoặc đên rừng văng, nương nơi rừng vắng; hoặc ăn rễ, hoặc ăn trái, hoặc ăn trái tự rụng xuống; hoặc mặc áo khâu đủ thứ vải, hoặc mặc áo lông, hoặc mặc áo đầu-xá, hoặc mặc áo đâu-xá băng lông, hoặc mặc băng da nguyên, hoặc mặc da có xoi lô, hoặc mặc da toàn xoi lỗ; hoặc để tóc xõa, hoặc để tóc bện, hoặc để tóc vừa xõa vừa bện; hoặc chỉ cạo tóc, hoặc chỉ cạo râu, hoặc cạo cả râu tóc, hoặc chỉ nho tóc, hoặc chỉ nhổ râu, hoặc nhổ cả râu tóc; hoặc chỉ đứng thẳng không hề ngồi, hoặc đi chồm hổm; hoặc nằm gai, lấy gai làm giường; hoặc nằm trái, lấy trái làm giường; hoặc thờ nước ngày đêm lấy tay vọc; hoặc thờ lửa ngày đêm đốt lên; hoặc thờ mặt trời, mặt trăng, thờ đấng Tôn Hựu Đại Đức, chắp tay hướng về. So như vậy thì phải chiu vô lượng khổ để học hạnh phiền lao. Này Vô Nhuế, ý ông thế nào? Hạnh bất liễu khả tang ố như vậy là hoàn toàn hay không hoàn toàn?

Dị đạo Vô Nhuế đáp: Thưa Cù-đàm? như vậy hạnh bất liễu khả tang là hoàn toàn, không phải là không hoàn toàn. Đức Thế Tôn lại nói: Này Vô Nhuế, Ta sẽ chỉ cho ông thấy cái hạnh bất liễu khả tang hoàn toàn đó bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm. Di đạo Vô Nhuế hỏi: Thưa Cù-đàm, Ngài có thể chỉ cho tôi thấy cái hạnh bất liễu khả tang hoàn toàn đó bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm thế nào không? Đức Thế Tôn đáp: - Này Vô Nhuế, hoặc có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ mà có ác dục, niệm tưởng dục. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, rồi do chuyên hành khô hạnh ây mà có ác dục, niệm tưởng dục; thì này Vô Nhuê, hành khô hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khô, do chuyên hành khô hạnh một cách tân khô nên chỉ ngước nhìn ánh mặt trời, hấp thụ khí trời. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh, rồi do chuyên hành khô hạnh ây nên chỉ ngước nhìn ánh mặt trời, háp thụ khí trời; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh mà tự cống cao, cho rằng mình đã tu khổ hạnh, nên tâm liền bị trói buộc. Này Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh rồi, do chuyên hành khổ hạnh mà tự cống cao, cho rằng mình đã tự tu khổ hạnh, nên tâm liền bị trói buộc; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cau uê. Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh mà tự thi khinh người. Này Vô

Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh rồi, do chuyên hành khổ hạnh mà tự thị khinh người; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khô hạnh nên đên nhà người mà tự khen răng: "Tôi sông tân khô, cách sống của tôi rất khó khăn.,, Này Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khô, roi do chuyên hành khô hạnh nên đên nhà người mà tự khen rằng: "Tôi sống tân khổ, cách sống của tôi rất khó khăn,\ thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuê, hoặc có ai hành khô hạnh một cách tân khô, do chuyên hành khổ hạnh nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ bái liền sanh lòng tật đố mà nói rằng: "Sao lại kính trọng, lễ bái,

cúng dường Sa-môn, Phạm chí? Hãy nên kính trọng, lễ bái, cúng dường ta đây! Vì sao vậy? Vì ta là người hành khổ hạnh." Này Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, rồi do chuyên hành khổ hạnh nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ bái, liền sanh lòng tật đố mà nói rằng: "Sao lại kính trọng, lễ bái, cúng dường Sa-môn, Phạm chí? Hãy nên kính trọng, lễ bái, cúng dường ta đây! Vì sao vậy? Vì ta là người hành khổ hạnh,9; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khô hạnh nên nêu thây Sa-môn, Phạm chí nào được người kính trọng, cúng dường, lễ bái, liền đến mắng ngay mặt Sa-môn, Phạm chí đó mà nói rằng: "Sao ông lại được kính trọng, lễ bái, cúng dường? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, thường ăn năm thứ hạt: Hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây và hạt sanh từ hạt. Ví như một trận mưa lớn làm tổn hại năm thứ hạt giống lúa, nhiễu loạn súc sanh và nhân dân; Sa-môn5 Phạm chí mà hay đên nhà người cũng giông như vậy?5 Này Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ bái, liền đến mắng ngay mặt Sa-môn, Phạm chí đó mà nói rằng: "Sao ông lại đượcy kính trọng, cúng dường, lê bái? r Ong là người nhiêu ham muôn, nhiêu mong câu, thường ăn năm thứ hạt: Hạt sanh từ góc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây, hạt sanh từ hạt. Ví như một trận mưa lớn làm tổn hại năm thứ hạt giống lúa, nhiễu loạn súc sanh và nhân dân; Sa-môn, Phạm chí mà hay đên nhà người cũng lại như vay" thì này Vô Nhuê, hành khô hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh nên có sầu, có si, khủng bố, lo sợ, sống lén lút, nghi ngờ, sợ mất tiếng, tham lam, phóng dật. Này Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh, rồi do chuyên hành khổ hạnh nên có sầu, có si, khủng bố, lo sợ, sống lén lút, nghi ngờ, sợ mất tiếng, tham lam, phóng dật; thì này Vô Nhuế, 7 r hành khô hạnh như vậy là câu uê. Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh nên sanh thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, khó tánh, không biết tiết hạn, những pháp mà Sa-môn, Phạm chí phải thông suốt lại không thông suôt. Này Vô Nhuê, nêu có người chuyên hành khô hạnh, do chuyên hành khổ hạnh nên sanh thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, khó tánh, không biết

tiết hạn, những pháp mà Sa-m6n, Phạm chí phải thông suốt lại không thông suốt; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành kho hạnh nên có sân triền, phú kết, bon xẻn, ganh ti, dua ninh, dối trá, vô tàm, vô quý. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách

tân khô, do chuyên hành khô hạnh nên có sân triên, phú két, bon xẻn, ganh tị, dua nịnh, dôi trá, vô tàm, vô quý; thì này Vô Nhuê, hành khô hạnh như vậy là cau uê> Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh nên sanh ra nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác9 nói thêu dệt, đủ cả ác giới. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh nên sanh ra nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác, nói thêu dệt, đủ cả ác giới; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh nên không có tín tâm, giải đãi, không chánh niệm, chánh trí, có đủ ác huệ. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ nên không có tín tâm, giải đãi, không chánh niệm, chánh trí, có đủ ác huệ; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là câu uê. Này Vô Nhuế, Ta đã chỉ cho ông thấy cái hạnh bất liễu khả tang hoàn toàn đó bị vô lượng câu uê làm ô nhiêm, có phải vậy chăng? Dị đạo Vô Nhuế đáp: Thưa Cù-đàm, đúng vậy. Ngài đã chỉ cho tôi thấy cái hạnh bất liễu khả tang hoàn toàn đó bi vô lượng cấu uế làm ô nhiễm. Này Vô Nhuế, Ta lại chỉ cho ông thấy cái hạnh bất liễu khả tang hoàn toàn đó không bi vô lượng cấu uế làm ô nhiễm. Dị đạo Vô Nhuế lại hỏi: -Thưa Cù-đàm, Ngài có thể chỉ cho tôi thấy cái bất liễu khả tang hoàn toàn đó không bi vô lượng cấu uế làm ô nhiễm như thế nào? Đức Thế Tôn đáp: -Này Vô Nhuê, hoặc có người chuyên hành khô hạnh một cách tân khô, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không có ác dục, không niệm tưởng dục. Này Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh, rồi do chuyên hành khổ hạnh nên không có ác dục, không niệm tưởng dục; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có nẹười chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân kho nên không nhìn ánh mặt trời, không hấp thụ khí trời. Này Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh, do chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ nen không nhìn ánh mặt trời, không hấp thụ khí trời; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuê, hoặc có người chuyên hành khô hạnh một cách tân khô, do chuyên hành khô hạnh một cách tân khô mà không công cao, cho răng đã tu khổ hạnh nên tâm không bị trói buộc. Này Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh, do chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ mà không cống cao,

cho rằng đã tu khổ hạnh một cách tân khổ nên tâm không bị trói buộc; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuê, hoặc có người chuyên hành khô hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ mà không tự thị khinh người. Này Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh, do chuyên

hành khổ hạnh một cách tân khổ mà không tự thi khinh người; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuê, hoặc có ai chuyên hành khô hạnh một cách tân khô, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không đến nhà người mà tư khen rằng: "T6i sống tân khổ, cách sống của tôi rất khó khn." Này Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không đến nhà người mà tự khen rằng: "T6i sống tân khổ, cách sống của tôi rất khó khăn,9; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuê, hoặc có ai chuyên hành khô hạnh một cách tân khô, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng đường, lễ bái thì không sanh lòng tật đố mà nói rằng: "Sao lại kính trọng, lễ bái, cúng dường Sa-môn, Phạm chí? Hãy nên kính trọng, lễ bái, cúng dường ta đây! Vì sao vậy? Vì ta là người hành khổ hạnh.” Này Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, rồi do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ bái thì không sanh lòng tật đố nói rằng: "Sao lại kính trọng, lễ bái, cúng dường Sa-môn, Phạm chí? Hãy nên kính ương, lễ bái, cúng dường ta đây! Vì sao vậy? Vì ta là người hành khổ hạnh"; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ bái thì không đến mắng ngay mặt Sa-môn, Phạm chí đó mà nói rằng: “Sao ông lại được kính trọng, cúng dường, lễ bái? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, thường ăn năm thứ hạt: Hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây và hạt sanh từ hạt. Ví như một trận mưa lớn làm tổn hại năm thứ hạt giống lúa, nhiễu loạn súc sanh và nhân dân; Sa-môn, Phạm chí mà hay đen nhà người cũng giống như vay." Này Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên nếu thấy Sa-môn? Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ bái thì không đến mắng ngay mặt Sa-môn, Phạm chí đó mà nói rằng: "Sao ông lại được kính trọng, cúng dường, lễ bái? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, thường ăn năm thứ hạt: Hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây và hạt sanh từ hạt. Ví như một trận mưa lớn làm tổn hại năm thứ hạt giống lúa, nhiễu loạn súc sanh và nhân dân; Sa-môn, Phạm chí mà hay đến nhà người cũng giống như vay" thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, 9 J 9 \ * r

do chuyên hành khô hạnh tân khô nên không sâu, không si, không khủng bô, không lo sợ, không sống lén lút, không nghi ngờ, không sợ mất tiếng, không tham lam, phóng dật. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không sầu, không si, không khủng bô, không lo sợ, không sông lén lút, không nghi ngờ, không sợ mát tiếng, không tham lam, phóng dật; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nen không sanh

thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, không khó tánh, không biết tiết hạn, những pháp mà Sa-môn9 Phạm chí phải thông suốt thì thông suốt. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, rồi do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không sanh thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, không khó tánh, không biết tiết hạn, những pháp mà Sa-môn9 Phạm chí phải thông suốt thì thông suốt; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khô hạnh tân khô nên không có sân triên, phú két, bon xẻn5 ganh tị5 dua nịnh, dôi trá, vô tàm, vô quý. Này Vô Nhuê, nêu có ai chuyên hành khô hạnh một cách tân khô, do chuyên hành khô hạnh một cách tân khô nên không có sân triền, phú kết, bon xẻn, ganh tị, dua nịnh, dối trá, vô tàm, vô quý; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuê, hoặc ai chuyên hành khô hạnh một cách tân khô, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác, nói thêu dệt, không có ác giới. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác, nói thêu dệt, không có ác giới; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên có tín tâm, không giải đãi, có chánh niệm, chánh trí, không có ác huệ. Này Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên có tín tâm, không giải đãi, có chánh niệm, chánh trí, không có ác huệ; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Này Vô Nhuế, Ta đã chỉ cho ông thấy cái hạnh bất liễu khả tang hoàn toàn không bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm, có phải vậy không? Dị đạo Vô Nhuế đáp: Thưa Cù-đàm? đúng vậy. Ngài đã chỉ cho tôi thấy cái bất liễu khả tang hoàn toàn không bị cấu uế làm ô nhiễm.

104. KINH ƯU-ĐÀM-BÀ-LA 593

Dị đạo Vô Nhuế lại hỏi: Thưa Cù-đàm, hạnh bất liễu khả tang này đã đạt đến bậc nhất, đã đạt đến chân thật chưa? Đức Thế Tôn đáp: Này Vô Nhuế, hạnh bất liễu khả tang này chưa đạt đến bậc nhất, chưa đạt đến chân thật nhưng có hai hạnh đạt đến vỏ ngoài và đạt đến vỏ trong. Dị đạo Vô Nhuế lại hỏi: -Thưa Cù-đàm, thế nào là hạnh bất liễu khả tang này chỉ đạt đến vỏ ngoài? Đức Thế Tôn đáp: - Này Vô Nhuế, ở đây, hoặc có Sa-môn? Phạm chí tu tập bốn hạnh: Không sát sanh, không bảo người sát sanh, không đồng tình với người sát sanh; không trộm cắp, không bảo người trộm cắp, không đồng tình với người trộm cắp; không phạm con gái người, không bảo người khác phạm con gái người, không đồng tình với người phạm con gái người; không nói dối5 không bảo người nói dôi, không đông tình với người nói dôi. Vi đó tu tập bôn hạnh này, ưa thích mà không tiến tới. Tâm đi đôi với từ, biến mãn cả một phương, thành tựu và an trú. Như vậy cho đến hai, ba, bốn phương, bốn phương phụ, phương trên, phương dưới, phổ biến tất cả, tâm đi đôi với từ, không kết, không oán, không sân nhuế, . < • x ỉ không não hại, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biên mãn kháp cả thê gian, thành tựu an trú. Cũng như vậy, đối với bi, hỷ, tâm đi đôi với xả, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, rộng lớn bao la, vô lượng, tu tập, biến mãn khắp cả thế gian, thành tựu và an trú. Này Vô Nhuế, ý ông thế nào? Phải chăng hạnh bất liễu khả tang

như vậy đạt đến vỏ ngoài? Vô Nhuế hỏi: Thưa Cù-đàm, bất liễu khả tang như vậy đã đạt đến vỏ ngoài. Thưa Cù- dám, còn thê nào là hạnh bát liêu khả tăng này đạt đên vỏ trong? Đức Thế Tôn đáp: - Này Vô Nhuế, hoặc có Sa-môn, Phạm chí tu tập bốn hạnh: Không sát sanh, không bảo người sát sanh, không đồng tình với người sát sanh; không trộm cắp, không bảo người trộm cắp, không đồng tình với người trộm cắp; không phạm con gái người, không bảo người khác phạm con gái người, không đồng tình với người phạm con gái người; không nói dối, không bảo người nói dối, không đồng tình với người nói dối. Vi đó tu tập bốn hạnh đó, ưa thích mà không tiến tới. Sự tu tập ấy có hành, có tướng mạo, vị ấy nhớ lại vô lượng kiếp đã trải qua, hoặc một đời, hai đời, trăm ngàn đời, thành kiếp, hoại kiếp, vô lượng thành hoại kiếp: "Tại chỗ đó ta là chúng sanh tên đó, ta đã trải qua ở đó, đã từng sanh ở đó, có họ như vậy, tên như vậy, sinh hoạt như vậy, uống ăn như

vậy, chịu khổ vui như vậy, tuổi thọ như vậy, sống lâu như vậy, dứt thọ mạng như vậy, rồi chết đây sanh kia, chết kia sanh đây. Ta sanh tại chỗ này như vậy, có họ như vậy, có tên như vậy, sinh hoạt như vậy, uông ăn như vậy, chiu khô vui như vậy, tuổi thọ như vậy, sống lâu như vậy, dứt thọ mạng như vay." Này Vô Nhuế, ý ông thế nào? Hạnh bất liễu khả tang như vậy có đạt đến vỏ trong không? Vô Nhuế đáp: Thưa Cù-đàm, hạnh bất liễu khả tang như vậy là đã đạt đến vỏ trong. Thưa Cù-đàm, thế nào là hạnh bất liễu khả tang đạt đến bậc nhất, đạt đến chân thật? Đức Thế Tôn đáp: Này Vô Nhuế, hoặc có Sa-môn? Phạm chí tu tập bốn hạnh: Không sát sanh, không bảo người sát sanh, không đồng tình với người sát sanh; không trộm ckhông bảo người trộm cap, không đông tình với người trộm cáp; không phạm con gái người, không bảo người khác phạm con gái người, không đông tình với người phạm con gái người; không nói dôi, không bảo người nói dôi, không đông tình với người nói dôi. Vị đó tu tập bôn hạnh này, ưa thích mà không tân tới. Vị đó băng thiên nhãn thanh tinh thây xa hơn người, nhìn thây chúng sanh lúc sanh lúc tử, sắc đẹp hoặc xấu, diệu hoặc bất diệu, qua lại chỗ lành hoặc chỗ không lành đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Vị ấy thấy sự kiện ấy đúng như thật. Nấu chúng sanh nào thành tựu ác hạnh về thân, ác hạnh về khẩu, ý; phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, thành tụy nghiệp tà kiến thì do nhân duyên đó khi thân hoại mạng chung, chúng sanh ấy chắc chắn đi đến chô ác, sanh vào địa ngục. Còn nêu chúng sanh nào thành tựu diệu hạnh vê thân, diệu hạnh về khẩu, ý; không phỉ báng Thánh nhân, chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến thì do nhân duyên đó khi thân hoại mạng chung, chúng sanh ấy chắc chắn đi lên chỗ lành, sanh vào cõi trời. Này Vô Nhuế, ý ông nghĩ sao? Hạnh bất liễu khả tang như vậy có đạt đến bậc nhất, đạt đến chân thật hay không? Vô Nhuế đáp: Thưa Cù-đàm? hạnh bất liễu khả tang như vậy là đã đạt đến bậc nhất, đạt đến chân thật. Thưa Cù-đàm, phải chăng vì để thủ chứng hạnh bất liễu khả tang này mà các đệ tử của Sa-môn Cù-đàm nương tựa nơi Sa-môn để tu hành Phạm hạnh? Đức Thế Tôn đáp: Này Vô Nhuế, không phải vì để thủ chứng hạnh bất liễu khả tang này mà đệ tử của Ta nương tựa nơi Ta để tu hành Phạm hạnh. Này Vô Nhuế, lại còn có pháp khác tối thượng, tối diệu, tối thắng, chính vì để chứng đắc pháp ấy nên đệ tử của Ta nương tựa nơi Ta mà tu hành Phạm hạnh.

LÚC đó, những dị đạo tronệ hội chúng ôn ào đó liên lớn tiêng la ó: "Búng vậy! Đúng vậy! Vì để chứng đắc pháp ấy nên đệ tử Sa-môn Cù-đàm nương tựa nơi Sa-môn Cù-đàm để mà tu hành Phạm hạnh." Bấy giờ, di đạo Vô Nhuế ra lệnh bảo hội chúng của mình im lặng, rồi hỏi: Thưa Cù-đàm, pháp nào được gọi là còn có pháp khác tối thượng, tối diệu, tối thắng, chính vì đê chứng đắc pháp ấy nên đệ tử của Sa-môn Cù-đàm nương tựa nơi Sa-môn Cù-đàm mà tu hành Phạm hạnh? Bây giờ, đức Thê Tôn đáp: - Này Vô Nhuế, nếu đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện The, Thế Gian Giải, Vo Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Su, Phật, Chúng Hựu xuất hiện ở thế gian; vị đó xả bỏ năm triền cái làm tâm ô uế5 làm tuệ yếu kém, ly dục, ly phác ác, bất thiệt cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Vị ấy với định tâm như vậy, thanh tịnh, không có uế, không phiền não? nhu nhuyến, khéo an trú, chứng đắc tâm bất động mà thú hướng sự diệt tận các lậu, tự thân chứng ngộ trí thông, biết như thật rằng đây là khổ, đây là khổ tập, đay là khổ diệt; biết như thật đây là khổ diệt đạo; cũng biết như thật đây là lậu, biết đây là lậu tập, đây là lậu diệt, biết như thật đây là lậu diệt đạo. Vị đó biết như vậy, thấy như vậy rồi thì tam giải thoát dục lậu, tâm i thoát hữu lậu, vô minh lậu; giải thoát rồi liền biết là mình đã giải thoát, biết đúng như thật rang: "Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Này Vô Nhuế, như vậy gọi là còn có pháp khác, tối thượng, tối diệu, tối thắng, chính vì để chứng đắc pháp ấy nên đệ tử của Ta nương tự nơi Ta mà tu hành Phạm hạnh. Bấy giờ, cư sĩ Thật Ý nói: - Này Vô Nhuế, đức Thế Tôn đang ở đấy. Ông hãy chỉ bằng một vấn đề đủ để hủy diệt Ngài, như lăn cái bình không! Ông hãy nói cái ví dụ con trâu đui ăn cỏ ở nơi biên địa như khi nãy đi! Đức Thế Tôn nghe xong, hỏi di đạo Vô Nhuế: Quả thật ông có nói như vậy không? Dị đạo Vô Nhuế đáp: Thưa đức Cù-đàm, quả thật tôi có nói như vậy. Đức Thế Tôn lại hỏi tiếp: Ông có từng nghe các vị cựu học trưởng lão như vầy: “Bức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ở quá khứ, nếu gặp khu rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hay trên núi cao, vắng lặng, không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, liền tùy thuận mà thiền tọa. Các đức Phật, Thế Tôn ở nơi rừng vng, sơn lâm, dưới gốc cây hay trên núi cao, vắng lăng, không có tiếng động, xa văng, không có sự dữ? không có người đời, liền tùy thuận mà

thiên tọa. Các Như Lai ở nơi xa văng, thường thích thiên tọa, an ôn và khoái lạc. Các Ngài chưa hề một ngày, một đêm tụ tập hội họp cùng mọi người như ông và quyến thuộc của ông hôm nay?" Này Vô Nhuế, ông có bao giờ nghe các vi trưởng lão cựu học nói như vậy không? Dị đạo Vô Nhuế đáp: - Đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh giác ở quá khứ, nếu gặp khu rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hay trên núi cao, vắng lặng, không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, liền tùy thuận mà thiền tọa. Các đức Phật, Thế Tôn ở nơi rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hay núi cao, vắng lặng, không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, liền tùy thuận mà thiền tọa. Các Ngài ở nơi xa vắng, thường thích thiền tọa, an ổn? khoái lạc. Các Ngài chưa hề một ngày, một đêm tụ tập hội họp cùng mọi người như tôi và

quyến thuộc của tôi hôm nay. Thưa đức Cù-đàm? tôi có nghe các vi trưởng lão cựu học nói như vậy. -Này Vô Nhuế, ông há không nghĩ rằng: “Nhu các đức Thế Tôn đó ở nơi rừng văng, sơn lâm, dưới góc cây hay trên núi cao, văngệ lặng, không có tiêng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, liên tùy thuận mà thiền tọa. Các Ngài ở nơi xa vắng thường thích thiền tọa, an ổn, khoái lạc. Vi Sa-môn Cù-đàm này cũng học đạo chánh giác như vậyy Có phải vậy không? Thưa đức Cù-đàm, nếu tôi biết như vậy, tôi đã chẳng nói rằng chỉ bằng một vấn đề cũng đủ hủy diệt Ngài như lăn cái bình không, và cũng đã chẳng nói đến cái ví dụ con trâu đui ăn cỏ nơi biên địa. Đức The Tôn noi: Này Vô Nhu, Ta có pháp thiện tương ưng với thiện, giải thoát tương ưng với giải thoát, có thể tự thân chứng ngộ, do đây mà Như Lai tự xưng là bậc Vô Úy Các Tỳ-kheo đệ tử của Ta, ai đến với tâm không dua nịnh, không lừa dối, chất trực, không hư vọng, Ta giáo huấn cho và theo giáo huấn ấy chắc chắn sẽ đạt đen Cứu cánh trí. Này Vô Nhuế, nếu ông nghĩ rằng: "Sa-môn Cù-đàm vì muốn làm Thầy cho nên thuyết pháp” thì ông chớ nghĩ như vậy, Ta trả ông lại cho thầy ông. Ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe thôi. Này Vô Nhuế, nếu ông nghĩ rằng: "Sa-môn Cù-đàm vì tham đệ tử cho nên thuyết pháp” thì ông chớ nghĩ như vậy, Ta trả lại đệ tử ông cho ông. Ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe thôi. Này Vô Nhuê, nêu ông nghĩ răng: "Sa-m6n Cù-đàm vì tham sự cúng dường cho nên thuyết pháp” thì ông chớ nghĩ như vậy, Ta trả lại đồ cúng cho ông. Ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe thôi. Này Vô Nhuế, nếu ông nghĩ rằng: "Sa-môn Cù-đàm vì tham được khen ngợi cho nên thuyết phAp" thì ông chớ nghĩ như vậy, Ta trả lại điều khen ngợi cho ông. Ta chỉ thuyêt pháp cho ông nghe thôi.

104. KINH ƯV-ĐÀM-BÀ-LA 597

Này Vô Nhuế, nếu ông nghĩ rằng: "Nếu ta có pháp thiện tương ưng thiện, giải thoát đưa đên giải thoát; có thê tác chứng nhimg Sa-môn Cù-đàm này đoạt của ta, hủy diệt ta” thì ông chớ nghĩ như vậy, Ta trả lại pháp của ông cho ông. Ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe thôi. LÚC bây giờ, tát cả hội chúng đêu im lặng. Vì sao vậy? Vì họ bị Ma vương chế phục. Khi ấy, đức Thế Tôn bảo cư sĩ Thật Ý: Ông hãy nhìn tất cả hội chúng đang im lặng này. Vì sao như vậy? Vì họ đã bị Ma vương che phục. Nó khiến cả hội chúng di đạo không có một dị đạo nào có ý niệm: "Ta hãy thử theo Sa-môn Cù-đàm tu hành Phạm hạnh." Đức Thế Tôn biết vậy, Ngài thuyết pháp cho cư sĩ Thật Ý nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho ông ấy nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Ngài liên từ chô ngôi đứng dậy, năm tay cư sĩ Thật Y, vận dụng thân túc nương hư không mà đi. Đức Phật thuyết như vậy, cư sĩ Thật Ý sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

105. KINH NGUYỆN Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo sống cô độc tại nơi xa vắng, ẩn dật ở chỗ yên tĩnh, thiền tọa tư duy, trong tâm khởi lên ý niệm: “Bức Thế Tôn thăm hỏi ta, nói chuyện với ta, thuyết pháp cho ta nghe để được giới Cụ túc mà không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vang lặng." Bấy giờ, vào lúc xế trưa, sau khi suy nghĩ như vậy rồi, vị Tỳ-kheo ấy liền từ chỗ thiền tọa đứng dậy đi đến đức Phật. Đức Thế Tôn nhìn thấy vi Tỳ-kheo ấy từ xa đi đên, nhân nơi Tỳ-kheo ây? Ngài bảo các

vi Tỳ-kheo: Các thầy hãy mong rằng: "Bức Thế Tôn thăm hỏi ta, nói chuyện với ta, thuyết pháp cho ta nghe. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.” Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: "Ta có thân tộc, nhờ ta mà khi thân hoại mạng chung chắc chắn họ được lên chỗ lành, sanh vào cõi tròd. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phế bỏ thiền đinh, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lang.' Này các Tỳ-kheo, hãy mong răng: "Các thí chủ cung cáp cho ta y phục, ăn uông, giường chõng, thuôc thang, đủ mọi thứ đê nuôi thân; do nhân duyên này họ sẽ có nhiều công dức, có đại quang minh, được nhiều phước báo. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng]ặng." Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: "Ta có thể nhẫn chịu được sự đói, khát, lạnh, nóng, muỗi ruồi châm chích, sự áp bức của gió, của mặt trời, bị tiếng xấu, bị đánh đập cũng có thể nhẫn chịu, bản thân bị tật bệnh rất là đau khổ, cho đến mạng sông sáp tuyệt, các sự không được vui ta cũng đêu có thê kham nhân. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng/9 Này các Tỳ-kheo, hãy mong răng: “Ta kham nhân được điêu không hoan lạc; nêu sanh tâm không hoan lạc, không bao giờ đê đăm trước. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lang?9

Này các Tỳ-kheo5 hãy mong rằng: "Nếu ta sanh khởi ba việc ác, bất thiện, niệm dục, niệm nhuế và niệm hại; ta không bao giờ để đắm trước với ba niệm ác, bất thiện đó. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phế bỏ thiền đinh, thành tựu quán hạnh ở nơi an tinh, vắng]ặng.” Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: "Ta ly dục, ly pháp ác, bất thiện, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.^, Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: "Ta đã dứt hết ba kiết sử, chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, không bi rơi xuống pháp ác, quyết định thú hướng đến quả vị Chánh giác, tôi đa còn bảy lân ở cõi trời, cõi người; sau bảy lân qua lại roi liên chứng đắc khổ biên. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lang." Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: “Ta đã dứt hết ba kiết sử làm mỏng dâm, nộ, si, chỉ còn một lần qua lại ở cõi trời, cõi người; sau một lần qua lại rồi liền chứng đắc khổ biên. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lang." Này các Tỳ-kheo, hãy mong răng: "Ta đã dứt hét năm hạ phân kiêt sử, sanh vào thế giới kia mà chứng đắc Niết-bàn, được pháp bất thối, không trở lại thế gian này. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lang/9 Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: "Ta được tịch tịnh giải thoát, ly sắc, chứng đắc vô sắc, với như kỳ tượng đinh, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trú; do tuệ quán mà đoạn trừ lậu và biến tri lậu. Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phê bỏ thiên định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, văng lặng." Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: "Ta được như ý túc, thiên nhãn trí, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, các lậu hoặc đã dứt sạch, chứng đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ? thành tựu và an trú, biết một cách như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm

xong, không còn tái sanh nữa.9 Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phe bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lāng.^ LÚC bây giờ, vị Tỳ-kheo ây sau khi nghe Phật thuyêt giảng, khéo thọ lãnh, khéo ghi nhớ, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu quanh ba vòng roi lui ra. Vị Tỳ-kheo ây lãnh thọ lời Phật dạy, ân dật nơi yên tĩnh, thiên tọa tư duy, tu hành tinh cân, tâm không phóng dật. Do ân dật những nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, tu hành tinh cần, tâm không phóng dật, để đạt đến mục đích mà thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học dạo, là duy chỉ mong thành tựu Phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời này mà tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, thành

tựu an trú, biết một cách như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Tôn giả áy đã biêt pháp roi, liền chứng quả A-la-hán. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

106. KINH TƯỞNG r Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với đất có tư tưởng về đất, cho rằng: “Bất tức là ngã, đất là sở hữu của ngã, ngã là sở hữu của dất.” Vị ấy đã cho đất tức là ngã, vậy là không biết rõ đất. Cũng như vậy, đối với nước, lửa, gió, thần, trời, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên. Vi ấy đối với Tinh thiên có tư tưởng về Tinh thiên: "Tinh thiên tức là ngã, Tinh thiên là sở hữu của ngã, ngã là sở hữu của Tịnh thiên." Vị ấy đã cho Tịnh thiên tức là ngã, vậy là không biết rõ Tịnh thiên. Đối với Vô lượng không xứ, Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, với đồng nhất, dị biệt, đa thù, sở kiến, sở văn, sở thức, sở tri, sở đắc, sở quán, sở niệm của ý, sở tư của ý5 từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này, cho đến tất cả; vị ấy đối với cái tất cả có tư tưởng về cái tất cả: "Tất cả tức là ngã, tất cả là sở hữu của ngã, ngã là sở hữu của tất cả/9 Vi ấy đã cho tất cả tức là ngã, vậy là không biết rõ cái tất cả. Nấu có Sa-môn5 Phạm chí đối với đất thì biết đất: "Bất không phải là ngã, đất không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của Vị ấy đã không cho đất tức là ngã, vậy là vị ấy biết rõ đất. Cũng như vậy, đối với nước, lửa, gió, thần, trời, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên. Vị ấy đối với Tịnh thiên thì biết Tinh thiên: "Tịnh thiên không phải là ngã, Tịnh thiên không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của Tịnh thien?5 Vị ấy đã không cho Tinh thiên tức là ngã, vậy là vị ấy biết rõ Tịnh thiên. Đối với Vô lượng không xứ, Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, với đồng nhất, dị biệt, đa thù, sở kiến, sở văn, sở thức, sở tri, sở đắc, sở quán, sở niệm của ý5 sở tư của ý, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này và với cái tất cả; vị ấy đối với cái tất cả thì biết là tất cả: "Cái tất cả không phải là ngã, cái tất cả không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là cái sở hữu của cái tất c"Vi ấy đã không cho cái tất cả tức là ngã, vậy vị ấy biết rõ cái tất cả. Ta đối với đất thì biết đất: "Đất không phải là ngã, đất không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của dất." Ta đã không cho đất tức là ngã, vậy là Ta biết rõ đất. Cũng như vậy, đối với nước, lửa, gió, thần, trời, Sanh chủ, Phạm thiên,

Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên. Ta đối với Tịnh thiên thì biết Tinh

thiên: "Tịnh thiên không phải là ngã, Tịnh thiên không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của Tịnh thiên.Ta đã không cho Tịnh thiên tức là ngã, vậy ta biết rõ Tịnh thiên. Đối với Vô lượng không xứ, Vô lượng thức xứ, Vo sở hữu xứ, Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, với đồng nhất, di biệt, đa thù? sở kiến, sở văn, sở thức, sở tri, sở đắc, sở quán, sở niệm của ý, sở tư của y, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này, cho đến cái tất cả; Ta đối với cái tất cả thì biết tất cả: "Tất cả không phải là ngã, tất cả không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của tất c"Ta đã không cho tất cả tức là ngã, vậy là Ta biết rõ tất cả. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.